



**TỈNH ỦY QUẢNG BÌNH
BAN TUYÊN GIÁO**

**TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN:
QUẢNG BÌNH - HÀO KHÍ 420 NĂM (1604 - 2024)**

Phần thứ nhất:

ĐIỂM TỰA LỊCH SỬ VÀ HÀNH TRÌNH PHÁT TRIỂN

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA

1. Điều kiện tự nhiên

Quảng Bình nằm ở Bắc Trung Bộ, phía Bắc giáp tỉnh Hà Tĩnh, phía Nam giáp tỉnh Quảng Trị, phía Tây giáp hai tỉnh Khăm Muôn và Sạ-vẳn-na-khệt (nước CHDCND Lào) với chiều dài đường biên giới là 201,87 km, phía Đông giáp biển Đông với chiều dài bờ biển là 116,04 km. Quảng Bình nằm trên trung lộ của các con đường chiến lược xuyên Việt là Quốc lộ 1A và đường Hồ Chí Minh, đường sắt Bắc Nam, cách Thủ đô Hà Nội 450 km về phía Nam, cách Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 1.200 km về phía Bắc. Quốc lộ 12A chạy từ Đông sang Tây qua Cửa khẩu quốc tế Cha Lo và Tỉnh lộ 20 qua Cửa khẩu Cà Roòng nối liền với nước CHDCND Lào, một trong những cửa ngõ liên thông với các nước trong khu vực Đông Nam Á.

Quảng Bình là dải đất tương đối hẹp, có diện tích tự nhiên 8.065,27 km², trong đó 85% diện tích là đồi núi. Phần lớn diện tích đồi núi Quảng Bình nằm trong vùng sinh thái Bắc Trường Sơn, là nơi có khu hệ động vật, thực vật đa dạng, độc đáo với nhiều nguồn gen quý hiếm, đặc trưng điển hình cho mẫu hình bảo tồn những giá trị đa dạng sinh học là vùng karst Phong Nha - Kẻ Bàng và vùng đất thấp thuộc khu vực Động Châu - Khe Nước Trong.

Quảng Bình có diện tích rừng khoảng 486.688 ha, phần lớn là rừng tự nhiên. Độ che phủ rừng đạt gần 68,69% (năm 2023) đứng thứ 2 trong cả nước về độ che phủ rừng, chỉ sau tỉnh Bắc Cạn. Rừng có trữ lượng gỗ cao và có nhiều loài động thực vật quý hiếm.

Di sản thiên nhiên thế giới Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng (VQGPNKB) ở Quảng Bình có kiểu rừng độc nhất không tìm thấy ở bất kỳ nơi nào khác trên trái đất là rừng nhiệt đới thường xanh chủ yếu cây lá kim với ưu thế loài bách xanh núi đá *Calocedrus rupestris* và dưới tán là các loài Lan hài *Paphiopedilum* spp, phân bố trên núi đá vôi ở độ cao trên 700 - 1.000m. Ngoài ra, VQGPNKB còn có 15 kiểu rừng được xác định đã đem lại tính đa dạng cho các hệ sinh thái, trong đó kiểu rừng thường xanh trên núi đá vôi được xem là có tầm quan trọng quốc tế.

VQGPNKB là một mẫu điển hình về những giá trị của các hệ sinh thái núi đá vôi trên thế giới, có ý nghĩa toàn cầu đối với bảo tồn đa dạng sinh học. Cho đến nay, đã xác định được sự có mặt của 2.953 loài thực vật bậc cao có mạch, 1.394 loài động vật, với 823 loài động vật có xương sống và 393 loài côn trùng. Chúng hầu hết là các loài bản địa trong khu vực. Trong đó có 112 loài được ghi trong Sách đỏ Việt Nam; 39 loài có tên trong Nghị định 32-2006/NĐ-CP, 121 loài được ghi trong Sách đỏ IUCN; 01 loài có tên trong các phụ lục CITES. Sự đa dạng về hệ thực vật ở VQGPNKB bao gồm cả đa dạng về thành phần loài; về nguồn gen và tài nguyên thực vật. Nhiều loài động vật quý hiếm được ghi trong Sách đỏ Việt Nam và Sách đỏ thế giới. Về động vật có vú có voọc Hà Tĩnh, sao la, mang lớn, gà lôi các loại...; về thực vật có huê mộc, lim, gụ lau, tấu, lát hoa, bách xanh...; dưới tán rừng còn có các loài thực vật có giá trị kinh tế cao như song mây, trầm hương, các loại dược liệu quý như sâm Bồ Chính, sâm bảy lá một hoa, sa nhân, giảo cổ lam, cỏ máu...

Sự đa dạng về sinh cảnh núi đá vôi, hang động, núi đất... là điều kiện lý tưởng cho 09/21 loài linh trưởng (chiếm 43% linh trưởng của Việt Nam) sinh sống phân bố ở Quảng Bình. Có 03 loài linh trưởng bị đe dọa nguy cấp trên phạm vi toàn cầu là voọc Hà Tĩnh (*Trachypithecus hatinhensis*), chà vá chân nâu (*Pygathrix nemaeus*) và vượn đen má trắng (*Nomascus leucogenys siki*), trong số đó voọc Hà Tĩnh là loài đặc hữu hẹp chỉ tìm thấy ở vùng núi đá vôi ở VQGPNKB và vùng lân cận. Diện tích núi đá vôi và thảm thực vật rừng nguyên sinh rộng lớn đã tạo điều kiện cho khu hệ dơi phát triển đa dạng nhất ở Việt Nam, với 46 loài (chiếm 43% tổng số loài của Việt Nam), là một trong những điểm có tiềm năng lớn nhất Việt Nam và thế giới về bảo tồn các loài dơi.

VQGPNKB còn là một địa điểm quan trọng đối với công tác bảo tồn các loài sinh vật đặc hữu, với 419 loài thực vật đặc hữu của Việt Nam, 41 loài động vật đặc hữu của dãy Trường Sơn, trong số đó có 23 loài mới chỉ tìm thấy ở Phong Nha - Kẻ Bàng.

Quảng Bình có 05 hệ thống sông chính, gồm các hệ thống sông Roòn, sông Gianh, sông Lý Hòa, sông Dinh và sông Nhật Lệ. Sông ngòi là mạch máu giao thông nối liền miền núi với đồng bằng, nông thôn và đô thị. Hệ thống sông suối tạo ra những lưu vực đa dạng sinh thái. Đặc biệt, tỉnh có 02 cửa sông lớn là cửa Gianh và cửa Nhật Lệ, phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, góp phần mở rộng giao thương và hội nhập.

Quảng Bình có bờ biển trải dài với nhiều bãi tắm nước xanh biếc, những cồn cát trắng, những bờ đá với cảnh quan kỳ thú như bãi Đá Nhảy ở bên đèo Lý Hòa, huyện Bố Trạch. Thêm lục địa rộng gấp 2,6 lần diện tích đất liền, hình thành ngư trường rộng lớn, trữ lượng hải sản khoảng 99.000 tấn với 1.659 loài, trong đó có nhiều loài quý hiếm như tôm hùm, tôm sú, mực ống, mực nang. Phía Bắc tỉnh, dưới chân đèo Ngang có vịnh nước sâu Hòn La cùng nhiều đảo nhỏ thuận lợi cho tàu thuyền neo đậu. Hòn La đã được đầu tư xây dựng trở thành cảng biển nước sâu có nhiều triển vọng trong phát triển kinh tế.

Quảng Bình có nhiều khoáng sản quý như vàng, sắt, ti tan, đá vôi, cao lanh, thạch anh... Trong đó, đá vôi và cao lanh có trữ lượng lớn, đủ điều kiện để phát triển công nghiệp xi măng và vật liệu xây dựng với quy mô lớn. Trên địa bàn tỉnh có 03 mỏ nước suối khoáng, trong đó nổi bật là suối nước khoáng nóng Bang ở huyện Lệ Thủy có điểm nóng tới 105°C, đã được xây dựng thành Khu du lịch nghỉ dưỡng và phục hồi chức năng suối nước nóng Bang Onsen Spa & Resort.

2. Truyền thống văn hóa

Trong tiến trình phát triển của lịch sử Việt Nam, địa bàn Quảng Bình có vị trí rất đặc thù. Quảng Bình không những có lịch sử lâu đời mà còn là nơi tiềm chứa nhiều giá trị văn hóa vật chất và tinh thần rất độc đáo. Đây là vùng đất có phong trào đấu tranh yêu nước, chống ngoại xâm rất kiên cường và anh dũng, đồng thời, cũng là nơi thường xuyên diễn ra những cuộc đấu tranh xã hội gay gắt. Đặc biệt, vùng đất Quảng Bình là khu vực có sự đan xen và tiếp biến văn

hóa giữa các trung tâm văn hóa lớn của dân tộc, như văn hóa Việt Mường - Champa, Đông Sơn - Sa Huỳnh, Đàng Trong - Đàng Ngoài, Thăng Long - Phú Xuân... Chính những yếu tố đó đã tạo cho Quảng Bình có một sắc diện văn hóa riêng biệt.

Trải qua bao biến cố thăng trầm của lịch sử, hầu như thời nào, Quảng Bình cũng phải đứng ở vị trí tiên tiêu của đất nước như “*một sứ mệnh thiêng liêng*”. Và để đảm đương sứ mệnh lịch sử đó, Nhân dân Quảng Bình đã anh dũng, kiên cường cống hiến sức người, sức của cho sự nghiệp dựng nước và giữ nước của dân tộc, để lại nhiều phong trào, nhiều danh nhân hào kiệt lưu truyền trong sử sách.

Kho tàng văn hóa, nhất là văn hóa dân gian Quảng Bình đa dạng, phong phú và độc đáo, bao gồm: Văn học dân gian, văn hóa - nghệ thuật dân gian, lễ hội truyền thống, các phong tục tập quán... Vùng quê nào ở Quảng Bình cũng có những sinh hoạt văn hóa dân gian mang đậm bản sắc của quê hương như: Hát Đúm, hát Sắc bùa, hò Thuốc, lễ hội Rằm tháng 3 ở Minh Hóa; hát Kiều, hát Nhà trò, hò Nhân ngãi, hò Hụi ở Quảng Trạch; múa Bông chèo Cạn, lễ hội Cầu mùa ở Đồng Hới; hò Khoan, hò Giã gạo, vè, lý ở Lệ Thủy; lễ hội Bài chòi, lễ hội Đập trồng của người Ma Coong ở xã Thượng Trạch, huyện Bố Trạch; lễ hội Mừng cơm mới của người Bru - Vân Kiều, xã Ngân Thủy, huyện Lệ Thủy...

Có thể khẳng định, điều kiện tự nhiên và xã hội đã góp phần xây đắp nên đời sống văn hóa tinh thần của con người Quảng Bình hết sức phong phú. Đây cũng chính là sức mạnh, là động lực giúp con người Quảng Bình vượt qua mọi biến cố thăng trầm của lịch sử, những khó khăn, thử thách luôn đặt ra trong mọi thời đại.

II. BƯỚC CHÂN THỜI GIAN

1. Danh xưng Quảng Bình (năm 1604)

1.1. Quảng Bình trong thời kỳ Văn Lang - Âu Lạc

Theo thư tịch cũ và truyền thuyết, đất nước thời Văn Lang - Âu Lạc có 15 bộ tộc Lạc Việt sinh sống, chủ yếu ở miền Trung du và Châu thổ sông Hồng. Nhà nước Văn Lang được thành lập trên cơ sở thống nhất các bộ lạc Lạc Việt do nhu cầu trị thủy, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội và cùng chống ngoại xâm. Trong các bộ lạc Lạc Việt có bộ lạc Văn Lang hùng mạnh hơn cả và thủ lĩnh

Văn Lang đóng vai trò lịch sử đứng ra thành lập nhà nước Văn Lang. Theo sự phân chia bộ lạc dưới thời Văn Lang, Quảng Bình thuộc bộ Việt Thường (có sách chép là Việt Thường Thị) một tổ chức hành chính Nhà nước sơ khai có địa vực tương đồng với toạ độ địa lý của Bắc Trung Bộ hiện nay.

Bây giờ, cư dân Văn Lang ở Quảng Bình đã biết kế thừa, phát huy những thành tựu văn hoá của các thời kỳ trước để bước vào thời kỳ đồng thau nhằm mục đích phục vụ phát triển trồng trọt. Những di tích khảo cổ học ở Khương Hà, Cổ Giang, Quảng Lưu, Long Đại, Thanh Trạch... đã minh chứng sự kế tiếp của các thời kỳ văn hoá khá rõ nét. Đồ đồng Đông Sơn ở Quảng Bình gồm nhiều loại như mũi tên đồng, rìu đồng, lưỡi giáo, cán dao găm, thố đồng, đồ trang sức bằng đồng và trống đồng ở nhiều di chỉ khảo cổ học khác nhau đã được phát hiện.

Dấu tích đồ đồng được phát hiện tại di chỉ Cồn Nền (Quảng Trạch) chứng tỏ kỹ thuật đúc đồng của cư dân Văn Lang ở Quảng Bình lúc này đã phát triển ở trình độ cao. Trống đồng Phù Lưu (Quảng Trạch) và một số trống đồng mới trên địa bàn Quảng Bình là loại trống đồng được đúc bằng những chiếc khuôn kín hai hay nhiều mang, một kỹ thuật đặc trưng của trống đồng Đông Sơn. Đặc biệt, khuôn đúc rìu đồng lưỡi lệch (lưỡi xéo) tìm thấy ở Hoá Hợp (Minh Hoá) có hai mang làm bằng đá sa thạch với kỹ thuật tinh xảo, chứng tỏ những dụng cụ, vũ khí đồ đồng Đông Sơn của Quảng Bình đã được đúc tại chỗ.

Công việc luyện kim và đúc đồng đòi hỏi phải có trình độ tổ chức và kỹ thuật cao, nhất là đối với những hiện vật phức tạp như trống đồng Phù Lưu, thố đồng Thanh Trạch. Việc tổ chức luyện kim là một quá trình phức tạp đòi hỏi phải chuyên môn hoá và phân công lao động. Chính vì vậy, cùng với sự ra đời của việc luyện kim và đúc đồng đã trở thành một nghề sản xuất độc lập, tách khỏi nông nghiệp. Do nhu cầu cuộc sống và dưới tác động trực tiếp của nghề luyện kim, đúc đồng, các nghề thủ công khác như: đồ gốm, đồ gỗ, đan lát, dệt vải, đồ trang sức đều có sự phát triển so với giai đoạn trước. Ở Quảng Bình vào thời kỳ này nghề làm đồ trang sức tương đối phát triển. Nhiều loại hạt chuỗi vòng tay bằng đá quý bên cạnh vòng tay, vòng nhẫn làm bằng đồng được phát hiện ở nhiều địa điểm Văn hoá Đông Sơn ở Quảng Bình. Nhiều đồ trang sức làm bằng thuỷ tinh như các loại vòng tay, hạt chuỗi và khuyên tai có mẫu được tìm thấy ở Quảng Bình.

Nhờ nông nghiệp và thủ công nghiệp phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang trên đất Quảng Bình được cải thiện và phong phú.

Với các loại trang sức phong phú về thể loại, chất liệu, chứng tỏ cư dân ở đây đã chú ý đến cuộc sống tinh thần, thị hiếu thẩm mỹ. Những hoa văn, hình ảnh trên bình gốm, rìu đồng, thố đồng Bàu Khê, trống đồng Phù Lưu đã phản ánh tư duy, khả năng thẩm mỹ, trình độ hội họa và điêu khắc của người dân nơi đây. Đời sống tinh thần còn thể hiện trên những hình ảnh sinh hoạt văn hoá, sinh hoạt chung của tập thể cộng đồng. Các phong tục tập quán như tục ăn trầu, nhuộm răng, xăm mình được lưu giữ trong một thời gian dài, chứng tỏ cư dân ở đây cũng như nhiều nơi khác của nước Văn Lang có chung một bản sắc văn hoá truyền thống của thời đại.

1.2. Quảng Bình trong thời kỳ bị phong kiến phương Bắc đô hộ

Năm 207 trước Công nguyên, Triệu Đà, một viên quan nhà Tần chiếm ba quận Nam Hải, Quế Lâm và Tượng Lâm (Trung Quốc) lập nên nước Nam Việt và xưng vương. Sau khi lập nước, Triệu Đà nhiều lần phát động chiến tranh xâm lược nước Âu Lạc. Khoảng năm 179 trước Công nguyên, sau khi chiếm được Âu Lạc, Triệu Đà sáp nhập vào nước Nam Việt và chia Âu Lạc làm hai quận là Giao Chỉ (Bắc Bộ) và Cửu Chân (Bắc Trung Bộ). Như vậy trong thời kỳ Triệu Đà thống trị, vùng đất Quảng Bình thuộc phía Nam quận Cửu Chân.

Năm 111 trước Công nguyên, sau khi lật đổ nhà Triệu, nhà Tây Hán tiến hành cuộc chiến tranh xâm chiếm các nước phía Nam, thống trị nước Âu Lạc. Đồng thời, với sự tan rã của quốc gia cổ Việt Thường, vùng đất phía Nam cũng rơi vào tay của nhà Tây Hán. Ngoài hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân có từ thời nhà Triệu, nhà Hán lấy đất Nam Hoành Sơn đặt làm quận Nhật Nam, chia làm 5 huyện là Tây Quyển, Tỷ Cảnh, Chu Ngô, Lô Dung và Tượng Lâm; vùng đất Quảng Bình nằm trong hai quận Tây Quyển và Tỷ Cảnh.

Năm 25 sau Công nguyên, nhà Đông Hán lên nắm quyền và thực hiện chính sách hà khắc hơn trước. Cuối thế kỷ II, đầu thế kỷ III, nhà nước Đông Hán ở Trung Quốc tan rã, phong kiến phương Bắc diễn ra cục diện “Tam quốc”, quyền thống trị nước ta nằm trong tay Sỷ Nhiếp, sau đó lại lệ thuộc vào phong kiến nhà Ngô. Năm 280, nhà Tấn diệt Ngô tạm thời thống nhất Trung Quốc. Dưới thời nhà Tấn chúng đặt lại quận huyện, tách đất Tây Quyển, đặt thêm huyện Thọ Linh (năm Thái Khang thứ 10 (289)), tách đất Tỷ Cảnh, đặt thêm huyện Vô Lao tương đương với miền Nam Quảng Bình ngày nay.

1.3. Quảng Bình thời kỳ thuộc lãnh thổ vương quốc Champa

Cũng như ở hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân phía Bắc, nhân dân các bộ tộc ở quận Nhật Nam phía Nam bị các triều đại phong kiến Trung Quốc thống

trị và bóc lột nặng nề. Sau cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng năm 40 ở Giao Chỉ, nhân dân ở quận Nhật Nam không ngừng nổi dậy chống quân xâm lược, giành lại quyền sống cho dân tộc mình, trung tâm của các cuộc khởi nghĩa là huyện Tượng Lâm (năm 138 đời Hán Vĩnh Hòa thứ 3). Nhân dân ở đây chủ yếu là người Chăm, có truyền thống thượng võ và tinh thần quật cường đã nhiều lần nổi dậy chống lại ách thống trị của quân Nam Hán. Cuối đời nhà Hán, nhân dân Tượng Lâm dưới sự lãnh đạo của Khu Liên nổi dậy giết huyện lệnh rồi tự xưng làm vua, lập nên nước Lâm Ấp. Sự ra đời của nhà nước Lâm Ấp sau cuộc khởi nghĩa do Khu Liên lãnh đạo đã khởi đầu cho tiến trình lịch sử Champa trên đất Quảng Bình.

Từ sau năm 749, sau sự kiện sứ bộ của vua Rudravarman sang triều cống Trung Quốc, các sách sử của Trung Quốc không còn nhắc nhở gì đến danh xưng Lâm Ấp nữa. Gần 10 năm sau đó xuất hiện một tên nước thay thế từ Lâm Ấp ở những tài liệu Trung Quốc đó là Hoàn Vương. Quốc hiệu này được dùng trong một thế kỷ (758 - 859), và đến năm 859, tên gọi Chiêm Thành mới bắt đầu được nhắc đến trong thư tịch phương Bắc.

Mặc dù sau đó diễn ra nhiều cuộc chiến tranh giành giật vùng đất quận Nhật Nam đoạn từ Hoành Sơn đến Hải Vân giữa các triều đại phong kiến Trung Quốc và vương quốc Hoàn Vương, nhưng về cơ bản vùng đất Quảng Bình sau thời kỳ thuộc Hán thuộc lãnh thổ của Hoàn Vương, sau là Chiêm Thành. Sau khi mở rộng biên giới ra phía Bắc là Nam Hoành Sơn, nhận thấy đây là địa bàn xung yếu, là địa đầu của quốc thổ, các triều đại Chiêm Thành đã chăm lo xây dựng hệ thống đồn lũy trên đất Quảng Bình khá kiên cố. Điển hình là lũy Hoàn Vương được xây từ Đông sang Tây dưới chân Hoành Sơn làm chiến lũy trấn giữ đường tiến quân của các triều đại phong kiến Trung Quốc xuống phía Nam. Ngoài ra, nhiều thành lũy được xây dựng khá kiên cố như thành Khu Túc, thành Nhà Ngô. Trong thời gian thuộc Chiêm Thành, vùng đất Quảng Bình là châu Bồ Chính và châu Địa Lý.

1.4. Quảng Bình thuộc quốc gia Đại Việt dưới các triều đại Lý, Trần, Lê

Suốt 10 thế kỷ dưới ách thống trị của các triều đại phong kiến Trung Quốc, nhân dân các bộ tộc của nước Âu Lạc vẫn không ngừng đấu tranh giành độc lập dân tộc. Sau cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng vào những năm 40 của thế kỷ thứ nhất sau Công nguyên là cuộc khởi nghĩa của Lương Long (178 - 181), Bà Triệu (248), tiếp đến là cuộc khởi nghĩa của Lý Bí giành lại độc lập dân tộc và lập nên nước Vạn Xuân (544 - 589). Nhưng sau đó các triều đại

phong kiến Trung Quốc là nhà Tùy và nhà Đường lại đưa quân xâm lược áp đặt nền thống trị lại nước ta. Trong suốt ba thế kỷ bị nhà Đường đô hộ, nhân dân ta không ngừng nổi dậy chống lại ách thống trị của phong kiến phương Bắc. Các cuộc khởi nghĩa lớn trong thời kỳ này là: khởi nghĩa Lý Tự Tiên và Đinh Kiến (687), khởi nghĩa Mai Thúc Loan (722), Phùng Hưng (766 - 791), Dương Thanh (819 - 820). Cuối thế kỷ IX, triều Đường bước vào thời kỳ suy thoái, nạn cát cứ của các tập đoàn phong kiến phương Bắc nổi lên. Năm lầy thời cơ đó, Khúc Thừa Dụ nổi lên đánh đuổi quân xâm lược, xây dựng chính quyền độc lập, xóa ách thống trị của phong kiến phương Bắc. Năm 938, quân Nam Hán lại sang xâm lược nước ta, dưới sự lãnh đạo của Ngô Quyền, quân dân ta đã đánh bại đội quân xâm lược trên sông Bạch Đằng, bảo vệ nền độc lập, chấm dứt hoàn toàn 1.000 năm Bắc thuộc.

Đất nước được độc lập, sau nhà Đinh, nhà Lý lên ngôi, Lý Công Uẩn dời đô về Thăng Long, đặt tên nước là Đại Việt, xây dựng nhà nước trung ương tập quyền, củng cố quân đội, chăm lo phát triển kinh tế, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ. Ở phía Bắc, sau khi thất bại nặng nề trong cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ nhất dưới thời Tiền Lê, nhà Tống vẫn không chịu từ bỏ âm mưu xâm lược nước ta một lần nữa. Ở phía Nam, mặc dầu bị thất bại nặng nề trong những lần đánh phá nước ta, các vương triều Chiêm Thành vẫn nuôi ý định mở rộng ảnh hưởng ra phía Bắc và âm mưu cấu kết với nhà Tống xâm lược lãnh thổ quốc gia. Trước tình hình đó, vua Lý Thánh Tông quyết định đem quân đánh Chiêm Thành nhằm bảo vệ cương vực phía Nam và ngăn chặn cuộc xâm lược của nhà Tống ở phía Bắc.

Năm 1069, Lý Thánh Tông cùng tướng tiên phong Lý Thường Kiệt đánh vào kinh đô Chiêm Thành, bắt sống vua Chiêm Thành là Chế Củ đưa về Thăng Long. Để chuộc mạng, Chế Củ xin dâng ba châu Bố Chính, Địa Lý, Ma Linh (tức vùng đất Quảng Bình, Quảng Trị ngày nay) cho nhà Lý. Năm 1075, Lý Thường Kiệt cho vẽ bản đồ ba châu Bố Chính, Địa Lý, Ma Linh. Triều đình nhà Lý quyết định đổi tên châu Bố Chính thành châu Bố Chính, châu Địa Lý thành châu Lâm Bình, châu Ma Linh thành châu Minh Linh và chiêu dân đến khai hoang, lập ấp.

Như vậy, dưới triều Lý, từ năm 1075 vùng Quảng Bình xưa đã trở thành đơn vị hành chính của Đại Việt với tên gọi là châu Bố Chính và châu Lâm Bình. Có thể nói đây là mốc lịch sử quan trọng định hình địa vực cư trú của cộng đồng người Việt trên vùng đất Quảng Bình ngày nay.

Những cư dân đầu tiên theo lời chiêu mộ của Lý Nhân Tông đã đến đây khai phá vùng đất mới, lập nên làng xã. Đây là vùng đất màu mỡ thuận lợi cho việc khai hoang, canh tác nghề nông và là vùng đất phen dậu ở biên cương phía Nam Đại Việt. Những cư dân đầu tiên đến khai thiết vùng đất này là những người dân ở các địa phương lân cận, chủ yếu là ở Châu Hoan, Châu Ái (Nghệ An, Thanh Hóa). Trong những đợt di dân, người ta thường tập hợp những người trong cùng một họ tộc để dễ bề giúp đỡ, cuu mang nhau. Họ đi cùng một đoàn, khai phá một nơi, rồi lập lên làng xã. Chính vì vậy ở Quảng Bình, những danh xưng của làng thường mang tên một họ tộc như Phan Xá, Ngô Xá, Hoàng Xá, Võ Xá... Chính đặc điểm này đã tạo nên sự gắn kết vững chắc của cộng đồng, đây không chỉ là một đơn vị hành chính mà còn có yếu tố huyết thống, dòng tộc.

Sau khi nhà Lý suy vong, triều Trần được thiết lập, tiếp tục công việc kiến thiết đất nước, củng cố quốc gia thống nhất, mở rộng biên cương, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, cương vực nước ta được mở rộng xuống phía Nam, công cuộc khai thác vùng đất Bồ Chính và Lâm Bình được đẩy mạnh. Triều Trần đã có một số cải cách hành chính nhằm củng cố chế độ tập quyền. Các đơn vị hành chính được cải tổ lại cho phù hợp với việc quản lý của chính quyền Trung ương. Đầu đời Trần, châu Lâm Bình dưới đời Lý được đổi thành phủ Lâm Bình. Đến đời Trần Duệ Tông (năm 1375) đổi phủ Lâm Bình thành phủ Tân Bình, sau đổi thành lộ Tân Bình. Năm Quang Thái thứ 10 (1397), Lê Quý Ly làm phụ chính thái sư, sửa đổi chế độ hành chính, đã đổi các lộ, phủ thành làng, trấn, phủ Tân Bình được đổi thành trấn Tân Bình. Như vậy, cuối đời Trần cộng đồng cư dân người Việt sống trên địa bàn thuộc các đơn vị hành chính: Trấn Tân Bình có huyện Thượng Phúc, huyện Nha Nghi và huyện Tri Kiến. Châu Bồ Chính có huyện Bồ Chính, huyện Đặng Gia và huyện Tòng Chất.

Khi nhà Trần suy vong, nhà Hồ được thiết lập và đổi trấn Tân Bình thành trấn Tây Bình (năm 1402 đời nhà Hồ, Hồ Hán Thương). Sau khi đánh bại nhà Hồ, triều đại phong kiến Trung Quốc là nhà Minh thôn tính Đại Việt, đổi nước ta thành quận Giao Chỉ và có những thay đổi về đơn vị hành chính. Nhà Minh đặt các châu huyện lệ vào 15 phủ và 5 châu lớn trong đó có phủ Tân Bình, đổi châu Bồ Chính làm châu Trấn Bình; huyện Thượng Phúc đổi thành huyện Phúc Khang, huyện Bồ Chính thành huyện Chính Hòa, huyện Đặng Gia thành huyện Cổ Đặng.

Sau khi đánh đuổi quân Minh, khôi phục nền độc lập dân tộc, công cuộc khai phá được đẩy mạnh. Dưới triều Lê Thánh Tông có chính sách chiêu dụ

khai khẩn vùng đất Bồ Chính, các làng xã ở Tân Bình và Bồ Chính phát triển nhiều hơn. Năm Quang Thuận thứ 10, tức năm Kỷ Sửu (1469) lập bản đồ trong cả nước, phủ Tân Bình có hai huyện là Lê Thủy và Khang Lộc và hai châu là Minh Linh và Bồ Chính. Vua Lê Lợi chia cả nước làm 5 đạo: Nam đạo, Bắc đạo, Đông đạo, Tây đạo và Hải Tây đạo. Trấn Tân Bình được đổi thành lộ Tân Bình thuộc đạo Hải Tây.

Đến năm Quang Thuận thứ 7 (1466) để tăng cường sự quản lý thống nhất về mặt hành chính, Lê Thánh Tông chia cả nước làm 12 đạo thừa tuyên, đổi phủ thành lộ, đổi trấn thành châu. Vẫn là lộ Tân Bình, đời Hoàng Định (1600) vì húy kỵ nên Lê Kính Tông đổi làm Tiên Bình.

Trong giai đoạn lịch sử này đất nước có những biến động lớn. Đầu thế kỷ XVI, triều Lê suy yếu, năm 1527, tập đoàn phong kiến do Mạc Đăng Dung cầm đầu thắng thế, phế truất triều Lê, lập triều Mạc. Họ Mạc vừa lên nắm chính quyền thì các phe phái phong kiến đối lập, nấp dưới chiêu bài khôi phục triều đại chính thống, nổi lên ở nhiều nơi. Cuối cùng một viên tướng cũ của triều Lê là Nguyễn Kim ra sức tập hợp các thế lực chống Mạc, rồi chiếm giữ vùng Thanh Hóa, Nghệ An, thành lập một chính quyền riêng với danh nghĩa là triều Lê Trung Hưng. Năm 1545 Nguyễn Kim chết, quyền hành rơi vào tay con rể là Trịnh Kiểm. Cuộc xung đột giữa các phe phái phong kiến làm cho đất nước bị chia làm hai miền. Chính quyền nhà Mạc thống trị vùng Bắc Bộ ngày nay, gọi là Bắc triều, họ Trịnh nắm quyền hành từ vùng Thanh Hóa trở vào gọi là Nam triều. Cuộc chiến tranh giữa hai tập đoàn phong kiến kéo dài trên nửa thế kỷ. Năm 1592 Nam triều thắng Bắc triều và chiếm được Thăng Long, nhưng các thế lực nhà Mạc còn chiếm cứ nhiều nơi, rút lên cố thủ ở Cao Bằng cho đến những năm 70 của thế kỷ XVII. Trong thời gian này, vùng đất Tân Bình vẫn thuộc đất của chúa Trịnh và không có thay đổi về tên gọi, chỉ đến năm 1600 được đổi thành Tiên Bình. Cuộc chiến tranh Nam - Bắc triều kết thúc thì một cuộc chiến tranh mới giữa hai tập đoàn phong kiến Trịnh - Nguyễn lại diễn ra kéo dài và ác liệt hơn.

1.5. Xuất hiện danh xưng Quảng Bình (năm 1604)

Tháng 10 năm Mậu Ngọ (1558), sau khi được Vua Lê Anh Tông đồng ý cho vào trấn thủ Thuận Hóa, Nguyễn Hoàng đem theo những người tâm phúc, chiêu tập hiền tài và con em quê hương Tống Sơn, Thanh Hóa và những vùng lân cận, nghĩa dũng thuộc hai trấn Thanh Hoá và Nghệ An, tổng số trên 1.000 người, theo đường biển vào Thuận Hoá xây dựng thế lực cát cứ lâu dài. Sau khi

vượt biên vào đến Thuận Hóa, Đoàn Quận công Nguyễn Hoàng và đoàn tùy tùng đổ bộ vào Cửa Việt, đóng dinh tại làng Ái Tử (Quảng Trị) bắt đầu sự nghiệp ở vùng đất phía Nam.

Từ sau khi được chính thức bổ chức Tổng trấn cai quản hai xứ Thuận Hóa và Quảng Nam, Nguyễn Hoàng bắt đầu thực thi nhiều chính sách nhằm ổn định vùng đất vốn có nhiều khó khăn lúc bấy giờ. Sau khi hoàn thành việc mở cõi đến mảnh đất Hà Tiên (phía Nam), năm Hoàng Định thứ 5, Giáp Thìn (1604), Chúa Nguyễn Hoàng đã đổi tên vùng đất này từ phủ Tiên Bình thành phủ Quảng Bình. Lần đầu tiên, danh xưng Quảng Bình xuất hiện và từ đó gắn liền với lịch sử vùng đất này cho đến ngày nay.

Đầu thời kỳ Gia Long, khi thắng được nhà Tây Sơn, tại miền Trung, khu vực phụ cận kinh đô, nhà Nguyễn đặt bốn dinh trực lệ là Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Đức và Quảng Nam. Năm Minh Mạng thứ hai (1821) đổi dinh Quảng Bình làm trấn Quảng Bình bỏ hai chữ trực lệ. Năm Minh Mạng thứ 12 (1831) đổi trấn Quảng Bình thành tỉnh Quảng Bình. Đến đây, Quảng Bình có thiết chế hành chính cấp tỉnh.

2. Quảng Bình - Vang mãi hào khí

2.1. Quảng Bình dưới chế độ phong kiến triều Nguyễn và thực dân Pháp

Do nằm ở vùng đất tranh chấp của hai thế lực phong kiến vua Lê, chúa Trịnh ở Đàng Ngoài và chúa Nguyễn ở Đàng Trong cùng với chính sách bóc lột, đàn áp của tập đoàn phong kiến Đàng Trong và Đàng Ngoài đã làm cho nhân dân Quảng Bình điêu đứng, cực khổ. Năm 1771, phong trào nông dân Đàng Trong chống áp bức, đỉnh cao là cuộc khởi nghĩa nông dân Tây Sơn do 3 anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ lãnh đạo. Cuộc khởi nghĩa nhanh chóng thu hút được nhiều tầng lớp nhân dân tham gia. Chỉ trong vòng 10 ngày của tháng 6 năm 1786, nhân dân Quảng Bình đã nổi dậy phối hợp với nghĩa quân Tây Sơn đánh tan 3 vạn quân Trịnh trên phòng tuyến sông Gianh. Sau đó tiếp tục tiến thẳng ra Bắc Hà, lật đổ chế độ nhà Trịnh, thống nhất đất nước. Tháng 12 năm 1788, Quang Trung - Nguyễn Huệ dẫn quân tiến thẳng ra Thăng Long, quét sạch quân xâm lược Mãn Thanh. Lên ngôi chưa được bao lâu thì Nguyễn Huệ qua đời. Năm 1802, Nguyễn Ánh cầu kết với giặc ngoài lật đổ triều Tây Sơn lên làm vua, đặt niên hiệu là Gia Long, đóng đô ở Phú Xuân (Huế), lập ra nhà Nguyễn.

Sau nhiều năm chuẩn bị, năm 1858, thực dân Pháp nổ súng tấn công Đà Nẵng, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Ngày 27/6/1885, quân Pháp tiến vào kinh đô Phú Xuân, triều Nguyễn đầu hàng vô điều kiện. Trong triều đình Huế lúc này phân thành hai phe “Phe chủ chiến” và “Phe chủ hoà”. “Phe chủ chiến” do Thượng thư Tôn Thất Thuyết đứng đầu đã vạch ra kế hoạch tấn công quân Pháp ở Huế. Sau vụ phản công ở Huế tháng 7/1885 không thành, Tôn Thất Thuyết phò vua Hàm Nghi chạy ra căn cứ Tân Sở (Quảng Trị), sau ra huyện Tuyên Hóa, Minh Hóa (Quảng Bình) phát Chiếu Cần Vương, kêu gọi Nhân dân đứng lên phò vua cứu nước.

Hưởng ứng phong trào Cần Vương, Nhân dân Quảng Bình đã vùng dậy dưới sự lãnh đạo của các sĩ phu, quan lại và trí thức có lòng yêu nước, đánh trả quân xâm lược. Vùng đất Quảng Bình trở thành một trong những nơi tụ nghĩa của phong trào Cần Vương. Các sĩ phu yêu nước của đất Quảng Bình như: Nguyễn Phạm Tuân, Lê Trực, Lê Mô Khởi, Đoàn Đức Mậu, Hoàng Phúc, Mai Lượng... đã chiêu tập nghĩa quân, đứng lên chống thực dân Pháp xâm lược. Ngày 19/7/1885, quân Pháp nhanh chóng chiếm thành Đồng Hới. Thực dân Pháp còn tổ chức nhiều cuộc tấn công vào căn cứ của vua Hàm Nghi ở vùng Tuyên Hóa. Tại đây đã xảy ra những trận đánh lớn dưới sự chỉ huy của Nguyễn Phạm Tuân và các tướng khác. Tháng 01/1886, tại Khe Ve, nghĩa quân đã đánh bại hai lần tấn công quy mô của quân Pháp, giết và làm bị thương nhiều tên địch.

Tháng 4/1886, ở Mỹ Lộc (Lệ Thủy) nghĩa quân Cần Vương dưới sự chỉ huy của thống lĩnh Hoàng Phúc đã đánh tan cuộc truy lùng của 500 lính khổ xanh và quân Pháp, bắt sống tên cầm đầu là Võ Bá Liên. Cũng vào thời điểm này ở đồn Lèn Bạc, Áng Sơn, Khe Giũa (Lệ Thủy), các thủ lĩnh Đè Chít, Đè Én, Lãnh Nhưõng đã lãnh đạo nghĩa quân lần lượt đẩy lùi những cuộc tiến công của quân Pháp ở vùng núi này...

Ngày 01/11/1888, Vua Hàm Nghi bị Pháp bắt, phong trào Cần Vương ở Quảng Bình tạm thời lắng xuống nhưng tinh thần yêu nước, lòng căm thù giặc của nhân dân vẫn âm ỉ cháy, rồi lại bùng lên mạnh mẽ trong các cuộc khởi nghĩa của Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, trong các phong trào Đông Du, phong trào Duy Tân do Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh khởi xướng... Tuy nhiên, do chưa có một đường lối chính trị đúng đắn, nên không thể đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc đi đến thắng lợi. Phải đến khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (03/02/1930) đảm đương sứ mệnh của một Đảng lãnh đạo thì lúc đó các phong

trào chống Pháp ở Quảng Bình mới phát triển ngày càng mạnh mẽ hơn. Các tổ chức cơ sở Đảng lần lượt ra đời: Chi bộ ga Bó Trạch (Kẻ Rầy năm 1930); chi bộ Trung Lực - Mỹ Thổ, huyện Lệ Thủy (1931); chi bộ Bãi Đức, huyện Tuyên Hóa (1931); chi bộ Lũ Phong, thị xã Ba Đồn (1933),... Dưới sự lãnh đạo của Đảng, các cuộc đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, chống sưu cao, thuế nặng ở Quảng Bình liên tiếp nổ ra...

Từ năm 1936 - 1939, Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương (sau này là Mặt trận dân chủ Đông Dương) ra đời. Các tổ chức quần chúng được thành lập từ tỉnh đến xã với nhiều hình thức như: công hội, nông hội, hội cứu tế... Các cuộc đấu tranh trong thời kỳ này đã làm cho phong trào cách mạng ở Quảng Bình có sự khởi sắc, đội ngũ cán bộ, đảng viên trưởng thành. Quần chúng cách mạng được tập hợp, thử thách trong thực tiễn đấu tranh. Đó là những thắng lợi có ý nghĩa quan trọng không những làm cho quần chúng gắn bó mật thiết với nhau mà còn tạo tiền đề cho cuộc vận động giải phóng dân tộc 1939 - 1945.

Trong thời kỳ 1939 - 1941, phong trào cách mạng ở Quảng Bình tập trung vào việc đấu tranh để bảo vệ những thành quả đã giành được trong thời kỳ mặt trận dân chủ và duy trì các hình thức tổ chức cũ. Tháng 02/1942, các đoàn thể cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh được thành lập, các đội tự vệ tuyên truyền xung phong lần lượt ra đời ở Lệ Thủy, Quảng Trạch.

Ngày 17/8/1945, Tỉnh bộ Việt Minh tổ chức hội nghị quán triệt lệnh Tổng khởi nghĩa do đồng chí Tố Hữu phái viên của Trung ương vào truyền đạt. Hội nghị bàn kế hoạch lãnh đạo và quyết định lấy ngày 23/8/1945 làm ngày khởi nghĩa chung toàn tỉnh. Sau hội nghị, phong trào cách mạng ở Quảng Bình có bước phát triển nhảy vọt và trưởng thành nhanh chóng. Các cơ sở Việt Minh huyện, thị được củng cố. Hàng trăm cuộc mít tinh được tổ chức. Phong trào sắm sửa vũ khí và luyện tập quân sự phát triển khắp nơi cùng với phong trào đấu tranh sôi nổi của quần chúng, khí thế cách mạng đã lan rộng ra khắp các huyện, thôn, xóm báo hiệu một cuộc vùng lên mạnh mẽ của quần chúng Nhân dân dưới ngọn cờ cách mạng của Mặt trận Việt Minh.

Đêm 22 rạng ngày 23/8/1945, các tầng lớp Nhân dân ở vùng ven và quanh khu vực thị xã Đồng Hới với băng cờ, gươm, giáo mác, gậy gộc... tập trung đông đảo quanh thành Đồng Hới đợi lệnh tổng khởi nghĩa. Mờ sáng ngày 23/8/1945, lệnh tổng khởi nghĩa được ban bố. Dân chúng từ các nơi đổ vào cửa thành, bao vây toà sứ, trại lính. Lực lượng tự vệ nhanh chóng chiếm giữ các vị

trí xung yếu trong nội thị, sẵn sàng đánh trả mọi hành động chống cự của địch. Tám giờ ngày 23/8/1945, Ủy ban khởi nghĩa làm lễ ra mắt và tuyên bố thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng. Dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Việt Minh, quần chúng cách mạng ở các phủ, huyện đã đồng loạt vùng lên giành chính quyền. Đến ngày 25/8/1945, chính quyền cách mạng từ tỉnh xuống phủ, huyện, xã đều được thiết lập.

Ngày 23/8/1945 là mốc son chói lọi trong lịch sử đấu tranh cách mạng của Nhân dân Quảng Bình. Chỉ trong vòng chưa đầy một ngày đêm, quần chúng Nhân dân trong tỉnh nhất tề nổi dậy lật đổ ách thống trị của đế quốc, phong kiến, giành chính quyền về tay Nhân dân. Cuộc khởi nghĩa diễn ra nhanh gọn và thu được thắng lợi to lớn.

Ngày 2/9/1945, lần đầu tiên trong lịch sử, quân và dân Quảng Bình với đủ mọi tầng lớp, mọi lứa tuổi, từ miền xuôi đến miền ngược đã tập trung về tỉnh lỵ và huyện lỵ dự cuộc mít tinh lớn mừng ngày nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời. Tất cả cùng háo hức và tập trung lắng nghe Chủ tịch Hồ Chí Minh trình trọng đọc Tuyên ngôn độc lập tuyên bố với quốc dân đồng bào và thế giới “Nước Việt Nam đã thành một nước tự do, độc lập”... “toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”.

2.2. Quảng Bình trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, đỉnh cao là cao trào Quảng Bình quật khởi (15/7/1949)

Sau khi giành được thắng lợi, chính quyền cách mạng non trẻ phải đương đầu với những khó khăn chồng chất. Hậu quả của nạn đói đầu năm 1945 rất nghiêm trọng, tàn dư kinh tế, văn hoá, xã hội của chế độ cũ để lại còn nặng nề. Lực lượng vũ trang còn yếu, thiếu vũ khí, thiếu cán bộ quân sự... Cùng với cả nước, Nhân dân Quảng Bình phải đối mặt với giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Hàng vạn người thiếu ăn, hàng trăm người phải bỏ quê hương đi tha hương cầu thực. Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”, Đảng bộ và Nhân dân Quảng Bình quyết tâm xây dựng và bảo vệ chính quyền, giữ vững thành quả cách mạng vừa giành được. Nhân dân trong tỉnh đưa ra nhiều sáng kiến để cứu đói như lập hũ gạo cứu đói, ngày đồng tâm nhịn ăn, thành lập các đoàn cứu đói đi giúp đỡ Nhân dân và lực lượng vũ trang...

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nhân dân ta đã đứng lên khởi nghĩa thắng lợi giành được chính quyền từ tay phát xít Nhật, thiết lập được nền độc lập tự do sau hơn 80 năm phải sống trong xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp và ách thống trị của phong kiến. Thế nhưng thực dân Pháp vẫn không từ bỏ dã tâm xâm chiếm trở lại nước ta. Ngày 23/9/1945, núp dưới bóng quân Anh, thực dân Pháp trở lại Sài Gòn, nổ súng tiến công mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai.

Ngày 27/3/1947, thực dân Pháp huy động một lực lượng lớn hải, lục, không quân đánh chiếm Quảng Bình. Trong một thời gian ngắn, quân Pháp đã thiết lập một hệ thống đồn bốt dày đặc, tiến hành các vụ tàn sát đẫm máu. Quảng Bình trở thành chiến trường ác liệt, gian khổ và giữ một vị trí quan trọng trên địa bàn Liên khu IV. Là một bộ phận gắn bó máu thịt với cuộc kháng chiến của Nhân dân cả nước, Nhân dân Quảng Bình đã vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, đoàn kết một lòng đứng dậy kháng chiến. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng, Liên khu IV, Đảng bộ và Nhân dân Quảng Bình đã vận dụng một cách sáng tạo trước mọi tình huống của chiến tranh và tổ chức, động viên toàn dân tham gia kháng chiến, tạo nên sức mạnh to lớn để chiến thắng kẻ thù.

Ngay từ trận đầu, khi quân Pháp mới đổ bộ lên bờ biển Nhật Lệ chúng đã bị các chiến sĩ của đội quân Lê Trục, du kích thị xã Đồng Hới và xã Bảo Ninh đánh trả quyết liệt. Lực lượng chiến đấu ở các nơi khác cũng đồng loạt nổ súng, hơn 20 ngày chiến đấu liên tục, lực lượng vũ trang và dân quân tự vệ Quảng Bình đã tiêu diệt 460 tên địch.

Đầu năm 1948, thực dân Pháp mở rộng vùng chiếm đóng, phá thế liên hoàn của ta. Trên chiến trường Quảng Bình, từ tháng 5/1948, ta chủ trương mở mặt trận phía Bắc, khai thông đường đưa bộ đội chủ lực tiến vào hỗ trợ, tạo thế cho hoạt động của bộ đội địa phương và dân quân du kích.

Lo sợ trước sự phát triển nhanh chóng của bộ đội chủ lực và phong trào chiến tranh du kích, thực dân Pháp điều động hai tiểu đoàn bộ binh cơ động, một đại đội cơ giới Thái Phiên (Thừa Thiên) và Quảng Trị ra Bắc Quảng Bình, phối hợp với quân chiếm đóng tiến hành củng cố các vị trí đồn bốt; sửa chữa quốc lộ 1 từ Ba Đồn đi Roòn và tỉnh lộ từ Ba Đồn đi Tiên Lương; cho máy bay ném bom Tuyên Hóa, tung gián điệp biệt kích ra các vùng tự do thăm dò lực lượng của ta.

Ngày 6/5/1948, thực dân Pháp huy động hơn 300 lính, chia làm hai mũi bao vây thôn Cảnh Dương (nay là xã Cảnh Dương, huyện Quảng Trạch) hòng

tiêu diệt lực lượng du kích và đê bẹp phong trào kháng chiến ở đây. Với tinh thần quyết tâm bảo vệ làng, quân và dân Cảnh Dương đã anh dũng bẻ gãy các đợt tấn công, diệt và làm bị thương 21 tên địch, buộc chúng phải rút chạy.

Đầu tháng 7/1949, địch lại tập trung một lực lượng lớn hơn 1.000 quân, có không quân và thủy quân yểm trợ tiến đánh vùng Ròn hòng tiêu diệt cơ quan lãnh đạo kháng chiến của huyện Quảng Trạch và lực lượng bộ đội địa phương, dân quân, du kích ở đây. Tuy lực lượng địch đông, hỏa lực mạnh nhưng với tinh thần chiến đấu ngoan cường “Quyết tử giữ làng” quân và dân Quảng Trạch đã bẻ gãy các đợt tấn công của địch. Đặc biệt, Nhân dân và dân quân, du kích Cảnh Dương đã anh dũng chiến đấu tiêu diệt 11 tên địch, trong đó có một tên quan ba. Cảnh Dương trở thành một pháo đài bất khả xâm phạm, xứng đáng là làng chiến đấu kiêu mẫu trong phong trào chiến tranh du kích của Quảng Bình. Trong khi phong trào kháng chiến phát triển mạnh ở phía Bắc tỉnh thì ở phía Nam, các huyện Quảng Ninh, Lệ Thủy tuy phong trào chiến tranh du kích đã có bước tiến mới nhưng vẫn gặp nhiều khó khăn.

Trong bối cảnh đó, ngày 19/5/1949, Đại hội đại biểu Đảng bộ Quảng Bình lần thứ II được triệu tập ở Kim Bảng (Minh Hóa) nhằm đánh giá lại hơn một năm lãnh đạo kháng chiến của Đảng bộ từ Đại hội lần thứ nhất (01/1948) và đề ra nhiệm vụ đẩy mạnh kháng chiến trong thời kỳ tới. Đại hội nhận định: Sau Đại hội lần thứ nhất của Đảng bộ, phong trào kháng chiến của Quảng Bình đã có những bước phát triển mạnh nhưng chưa đều khắp. Nhìn toàn cục phong trào kháng chiến nghiêng hẳn về hai huyện phía Bắc là Bố Trạch và Quảng Trạch, hai huyện Quảng Ninh, Lệ Thủy địch vẫn thực hiện được kế hoạch đánh phá bình định của chúng. Để đẩy mạnh phong trào cách mạng ở hai huyện phía Nam, Đại hội chủ trương đưa những đồng chí có kinh nghiệm chiến đấu lên tỉnh bổ sung cho chiến trường miền Nam của tỉnh. Đại hội nêu khẩu hiệu hành động “Miền Nam mạnh là Quảng Bình mạnh”, “Rời chiến khu, thực hiện hạ sơn, bám dân, bám làng hoạt động”, Đại hội quyết định phát động cao trào “Quảng Bình quật khởi” nhằm đẩy mạnh cuộc kháng chiến, kiến quốc của Quảng Bình lên một bước mới.

Nhằm trực tiếp chỉ đạo phong trào, trọng tâm là hai huyện Quảng Ninh và Lệ Thủy, Đại hội đã ra nghị quyết chuyển cơ quan lãnh đạo của tỉnh vào vùng Lệ Ninh (Hoa Thủy, Sơn Thủy, Vạn Xuân, Đại Phúc) và đẩy mạnh công tác giao thông vận tải, bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt phục vụ kháng chiến.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính (UBKCHC) tỉnh đã cử một đoàn cán bộ của các ban ngành chuyên môn của Ủy ban vào Quảng Ninh và Lệ Thủy nghiên cứu tình hình, xây dựng cơ sở, chuẩn bị phát động tuần lễ “Tích cực cầm cự, chuẩn bị tổng phản công”, mở đầu phong trào Quảng Bình quật khởi. Đồng thời, với những chỉ thị phát động tuần lễ, UBKCHC tỉnh đã ra Nhật lệnh hô hào quần chúng gia nhập dân quân, tích cực đánh giặc; tổng bãi thị; diệt tề, trừ gian. UBKCHC các huyện họp hội nghị thảo luận, vạch kế hoạch thực hiện chương trình tuần lễ và toàn thể các ủy viên, nhân viên huyện đều được phân công về đồng bằng chỉ đạo phong trào. UBKCHC tỉnh chủ trương “cho các địa phương phát động phong trào trước ngày tỉnh đã định và lấy đà để đến ngày ấy thì toàn tỉnh phát động thật mạnh”.

Trong thời gian chuẩn bị phát động và trong quá trình tiến hành tuần lễ tích cực cầm cự, chuẩn bị tổng phản công, các cơ quan chuyên môn của Ủy ban đã triển khai các công tác phục vụ, bảo đảm cho các cơ quan lãnh đạo của tỉnh một cách tích cực.

Rạng sáng ngày 15/7/1949, từ Hiền Lộc và thôn Thượng (Võ Xá) vang lên những hồi trống giục giã ba tiếng một thông báo cho quân và dân Ninh Châu (Võ Ninh, Duy Ninh, Hàm Ninh) lệnh tiến công của Ủy ban Kháng chiến. Nhân dân ở các địa phương đồng loạt nổi trống, gõ mõ hưởng ứng phối hợp với du kích, bộ đội bắt tề, đốt điểm canh của hương vệ làm cho chúng vô cùng hoảng sợ.

Đêm 15/7, Đại đội 2 Tiểu đoàn 274 cùng du kích xã Gia Ninh có nội ứng phối hợp tấn công đồn Mỹ Trung mở màn cho tuần lễ quật khởi, nhưng trận đánh không thành vì nội ứng bị lộ. Đêm đó, bộ đội phải rút về Quảng Xá (Tân Ninh), địch kéo đến bao vây. Cuộc chiến đấu ở Quảng Xá diễn ra vô cùng ác liệt từ mờ sáng đến chiều. Các đơn vị của Tiểu đoàn 274 phối hợp với dân quân, du kích và sự giúp đỡ của Nhân dân địa phương đã bẻ gãy nhiều mũi tấn công của địch, gây cho chúng thiệt hại nặng nề, truy kích địch về đồn Xuân Dục.

Cũng trong đêm 15 rạng ngày 16/7, đồng bào các xã thuộc huyện Quảng Ninh và Lệ Thủy cùng lực lượng vũ trang địa phương đồng loạt nổi dậy tiến công địch nhiều nơi. Toàn bộ tháp canh của hương vệ, tổng vệ ở huyện Quảng Ninh bị thiêu cháy; các tổ chức tề, ngụy và quân lính địch hoang mang, dao động. Chiều ngày 16/7, địch ở đồn Xuân Dục kéo về Lộc Long hòng bao vây lực lượng của ta. Du kích Lộc Long đã bí mật chôn bom đánh địch làm một số

tên bị thương, trong đó có tên Đồn trưởng. Bị đánh bất ngờ quân địch không kịp trở tay, hốt hoảng vội rút lui.

Liên tiếp trong mấy ngày của tuần lễ phát động, từ Hạ Cờ đến Gia Ninh, Võ Ninh, bộ đội và du kích đã đánh phá nhiều đồn bốt địch dọc trục quốc lộ 1. Nhiều đoạn đường bị đồng bào phá hoại làm cho việc tiếp tế, ứng cứu của chúng bị tắc nghẽn, gián đoạn.

Ở Lệ Thủy, đại đội 1 và du kích các xã Quang Trung, Minh Khai phối hợp phục kích đánh đò địch trên sông Kiến Giang, tập kích vào đồn An Lạc bắt sống tù binh, thu vũ khí. Ở Bố Trạch, du kích thôn Quy Đức (Hải Trạch) đánh đắm ghe tuần tiễu của địch đang đỗ trước đồn Lý Hòa. Bộ đội địa phương phối hợp với du kích huyện phục kích đánh địch ở Khe Nước, cầu Hiểm, Troóc, Hoàn Lão gây cho chúng nhiều thiệt hại nặng nề. Ngày 22/7 du kích Cự Nẫm đốt cháy đồn địch, tiêu hủy toàn bộ vũ khí, lương thực dự trữ và quân trang quân dụng. Các địa phương ở Quảng Trạch, Đồng Hới cũng đã tổ chức những trận đánh nhỏ, tiêu diệt địch, phá hoại giao thông, cắt đường dây điện thoại gây cho chúng nhiều thiệt hại.

Trong 15 ngày phát động, quân và dân trong toàn tỉnh đã đánh 120 trận, diệt 49 lính Pháp, 128 lính Ngụy (Việt binh đoàn), làm bị thương 102 tên, bắt sống 01 lính Pháp, 4 ngụy binh; phá hủy 22 xe quân sự, bắn chìm 2 đò, phá 34 cầu, 670 mét đường giao thông, 70.150 mét dây điện thoại, đốt 186 nhà công cộng của địch. Ta thu được nhiều vũ khí, đạn dược.

Cùng với những thành tích về quân sự, phong trào trừ gian, diệt tề trong tuần lễ phát động đã thu được những thắng lợi to lớn, đã giải tán 225 hội tề. Cùng với việc triệt phá các ban hội tề của địch, chính quyền của ta được củng cố. UBND huyện đã liên lạc được nhiều thôn, làng trước đây mất liên lạc và xây dựng được nhiều cơ sở kháng chiến ngay trong vùng địch hậu.

Trên mặt trận kinh tế, trong tuần lễ phát động ta đã đẩy mạnh việc bao vây phá hoại kinh tế của địch. Nhân dân ở các vùng tạm bị chiếm nhiệt liệt hưởng ứng lệnh bất hợp tác và bãi thị, giá cả sinh hoạt lên cao gây cho địch khó khăn trong việc tiếp tế. Ta đã tổ chức nhiều chợ nhỏ và các đoàn bán hàng rong để trao đổi hàng hóa trong Nhân dân.

Thắng lợi trên các mặt quân sự, chính trị, kinh tế của tuần lễ “Quảng Bình quật khởi” đã cổ vũ phong trào cách mạng quần chúng ở Quảng Bình lên mạnh, đặc biệt là trong các vùng tạm bị chiếm, Nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào

thắng lợi của cuộc kháng chiến. Các hội quần chúng cách mạng ở hai huyện Quảng Ninh và Lệ Thủy được củng cố và phát triển mạnh.

Sau tuần lễ “Tích cực cầm cự, chuẩn bị tổng phản công” mở đầu cho phong trào “Quảng Bình quật khởi”, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược trên địa bàn tỉnh đã bước sang một giai đoạn mới, phát triển đồng đều hầu khắp các địa phương trong tỉnh. Đặc biệt, với sự phát triển của phong trào ở hai huyện Lệ Thủy và Quảng Ninh đã tạo điều kiện tăng thêm nguồn lực, sức người, sức của, để đẩy mạnh cuộc kháng chiến trên tất cả các lĩnh vực quân sự, chính trị, kinh tế, không chỉ ở vùng tự do, vùng du kích mà cả ở vùng địch tạm chiếm.

Bước sang năm 1950, cuộc kháng chiến ở Quảng Bình lại giành được thắng lợi to lớn, đánh dấu bằng những chiến công vang dội của lực lượng vũ trang như chiến thắng La Hà, Phù Trịch (tháng 02/1950), chiến thắng Xuân Bò (tháng 5/1950)... Được sự giúp đỡ của bộ đội chủ lực, tháng 02/1952, lực lượng vũ trang Quảng Bình đã chủ động mở nhiều cuộc tiến công vào các vị trí quan trọng của địch trên phòng tuyến phía Bắc, giải phóng Sen Bàn, Ba Đồn, Mỹ Hoà, mở rộng vùng tự do.

Bước vào Đông Xuân 1953 - 1954, lực lượng vũ trang Quảng Bình không ngừng lớn mạnh, căn cứ cách mạng được mở rộng ở vùng trung du, đồng bằng, thị xã. Chiến thắng liên tiếp đã cổ vũ quân và dân Quảng Bình nâng cao khí thế cách mạng, tiếp tục đánh phá trên 20 tháp canh, bao vây các đồn bót, cắt đứt đường giao thông tiếp tế, đập vỡ một mảng lớn hệ thống phòng ngự của địch, giải phóng hoàn toàn phần đất bị địch chiếm đóng ở Tuyên Hoá và một phần của huyện Quảng Trạch, tiêu diệt và làm tan rã đại bộ phận quân địch, giải phóng quê hương, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

2.3. Quảng Bình trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)

Sau ngày quê hương hoàn toàn giải phóng (18/8/1954), quân và dân Quảng Bình cùng một lúc phải dồn sức giải quyết nhiều việc hết sức cấp bách. Xác định vị trí là tuyến đầu miền Bắc, mọi hoạt động của Quảng Bình và khu vực Vĩnh Linh có ảnh hưởng trực tiếp và quan trọng đối với cách mạng miền Nam. Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Đảng bộ, quân và dân Quảng Bình bắt tay thực hiện công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, thúc đẩy sự phát triển toàn diện cả về kinh tế, văn hoá, xã hội và quốc phòng, an ninh.

Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, thực hiện chủ trương đưa miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng miền Bắc thành căn cứ địa cách mạng cả nước, Quảng Bình bước vào thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965). Lần đầu tiên ở Quảng Bình xuất hiện những xí nghiệp quốc doanh sản xuất và góp phần cung ứng hàng hóa tiêu dùng cho Nhân dân. Các lĩnh vực y tế, văn hóa, giáo dục đều có sự phát triển. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965) ở Quảng Bình đang thực hiện có kết quả, thì ngày 04/8/1964 đế quốc Mỹ dựng nên “Sự kiện Vịnh Bắc Bộ”, cho máy bay ném bom bắn phá một số nơi trên miền Bắc. Đến ngày 07/02/1965, Mỹ chính thức gây ra cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân trên toàn bộ lãnh thổ miền Bắc nước ta. Từ đó Quảng Bình phải chuyển hướng xây dựng và phát triển kinh tế cho phù hợp với tình hình thời chiến.

Nắm được những hoạt động quân sự của ta trên địa bàn phía Bắc giới tuyến quân sự, Mỹ - Ngụy đã tiến hành những hoạt động gián điệp, biệt kích để dò la tình hình và phá hoại. Chỉ trong năm 1963, Mỹ - Ngụy tung ra Quảng Bình hơn 10 toán gián điệp, biệt kích. Tất cả những đợt tung gián điệp, biệt kích xuống địa bàn Quảng Bình đều bị Nhân dân phát hiện và làm thất bại, nhưng Mỹ - Ngụy vẫn không chịu từ bỏ ý đồ xâm nhập, phá hoại miền Bắc. Từ ý đồ “tạo tiếng vang trong lòng đối phương” không thành, chúng chuyển sang bí mật bắt cóc cán bộ, Nhân dân... và đưa máy bay trinh sát điện tử ra hoạt động trinh sát trên không phận của tỉnh. Đây là bước chuẩn bị leo thang cho việc đánh phá miền Bắc nói chung và Quảng Bình nói riêng sau này.

Tháng 2/1964, đế quốc Mỹ cho nhiều tốp máy bay tiếp tục đánh phá dữ dội vào thị xã Đồng Hới và các vùng lân cận trong tỉnh. Phối hợp với lực lượng phòng không, quân và dân Quảng Bình đã đánh trả quyết liệt địch ngay từ đầu, bắn cháy, bắn rơi 13 máy bay. Chiến công oanh liệt của quân và dân Quảng Bình đã mở đầu hình thức chiến đấu hiệp đồng của lực lượng phòng không ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân tự vệ).

Thực hiện ý đồ đưa cuộc chiến tranh phá hoại ra miền Bắc, đêm 04/8/1964, Mỹ dựng lên “Sự kiện Vịnh Bắc Bộ”. Ngày 05/8/1964, thực hiện kế hoạch “Mũi tên xuyên”, Mỹ cho máy bay thực hiện 3 đợt tấn công vào Cửa Hội (Vinh) và căn cứ hải quân ở cảng sông Gianh. Trong trận đầu này, quân và dân Quảng Bình đã bắn rơi 3 chiếc máy bay và 1 chiếc khác bị hỏng.

Ngày 05/8/1964, Mỹ sử dụng hơn 60 máy bay trinh sát, máy bay tiêm kích, cường kích bất ngờ tấn công hầu hết các căn cứ, khu trú đậu và lực lượng tàu thuyền của hải quân trên tuyến ven biển miền Bắc từ Quảng Bình đến Hải Phòng, Quảng Ninh. Ở Quảng Bình, chúng đã đánh phá nhiều địa điểm như ở Cảng Gianh, cửa Roòn, Đèo Ngang, Cự Năm, nhưng với tinh thần chiến đấu anh dũng, gan dạ, quân và dân Quảng Bình đã bắn rơi 2 chiếc máy bay Mỹ, chiến thắng đó mở đầu trang sử chiến đấu chống Mỹ, cứu nước của quân dân Quảng Bình.

Ngày 16/10/1964, Mỹ cho máy bay trinh sát dọc tuyến đường chiến lược 12A, bắn phá địa bàn hai huyện Tuyên Hóa và Minh Hóa. Ngày 26/10/1964, máy bay Mỹ ném bom, bắn rốc két xuống đồn Cha Lo. Ngày 18/11/1964, phát hiện ra phía Tây Quảng Bình có hai tuyến đường chi viện quan trọng (đường 12 và đường 16), Mỹ cho hàng trăm lượt máy bay trút bom dữ dội xuống miền Tây Quảng Bình. Trong bom đạn ác liệt của kẻ thù, tiếng hô vang vọng của Chính trị viên Đại đội 3, Tiểu đoàn 14 Nguyễn Viết Xuân: “Nhằm thẳng quân thù mà bắn” đã trở thành khẩu hiệu bất tử, thể hiện tinh thần quyết đánh và quyết thắng của quân và dân ta trước cuộc chiến tranh phá hoại của kẻ thù.

Ngày 07/02/1965, lấy lý do “Trả đũa việc quân giải phóng miền Nam tiến công căn cứ Mỹ ở Pleiku”, đế quốc Mỹ cho 49 máy bay từ Đà Nẵng, tiến hành chiến dịch “Mũi lao lửa 1” đánh phá Quảng Bình, mở rộng cuộc chiến tranh phá hoại ra toàn miền Bắc. Dịch tổ chức tập kích thành 2 đợt, nhưng đợt nào chúng cũng bị đánh trả quyết liệt. Trong trận đầu đọ sức với máy bay Mỹ đã xuất hiện nhiều tấm gương chiến đấu anh dũng. Hình ảnh mẹ Suốt chèo đò chở bộ đội qua sông; chiến sĩ dân quân Nguyễn Văn Tối và các em bé Bảo Ninh phối hợp chiến đấu, tiếp đạn cho tàu hải quân đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần dũng cảm đánh địch của bộ đội...

Ngày 17/5/1965, Quảng Bình bắn rơi chiếc máy bay thứ 100, Bác Hồ đã gửi thư khen quân và dân Quảng Bình. Trong thư, Bác viết: “Bác vui lòng thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ khen ngợi đồng bào, bộ đội và cán bộ Quảng Bình đã bắn rơi 100 máy bay giặc Mỹ, vừa qua lại thu hoạch vụ chiêm rất tốt. Như vậy là tỉnh nhà chiến đấu giỏi, sản xuất cũng giỏi. Các tỉnh khác hãy ra sức thi đua với Quảng Bình”. Lá thư động viên của Người đến với Đảng bộ, quân và dân Quảng Bình trong thời khắc gian nan của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Đặc biệt, khi Tỉnh ủy Quảng Bình phát động phong trào thi đua “Hai giỏi” (chiến đấu giỏi, sản xuất giỏi), quân và dân tỉnh nhà càng được tiếp

thêm sức mạnh. Phong trào “Hai giỏi” đã trở thành một phong trào cách mạng mạnh mẽ, hiệu quả, có sức sống bền lâu với người Quảng Bình, đọng lại cho đến hôm nay.

Ngày 14/6/1966, Bác Hồ gửi thư khen Quảng Bình bắn rơi chiếc máy bay thứ 200. Ngày 9/4/1968, Bác gửi thư khen Quảng Bình bắn rơi chiếc máy bay thứ 400. Ngày 3/5/1968, Bác lại gửi thư khen Quảng Bình bắn rơi chiếc máy bay thứ 500 và bắn chìm 42 tàu chiến Mỹ. Hơn một tháng sau, ngày 27/6/1968, Bác lại gửi thư khen Quảng Bình bắn rơi chiếc máy bay thứ 3.000 trên miền Bắc...

Với tinh thần “Xe chưa qua nhà không tiếc”, “Đường chưa thông không tiếc máu xương”, các lực lượng công binh, các chiến sĩ lái ca nô, thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến, kể cả phụ nữ, thiếu niên đã dũng cảm phá bom, lấp hố, sửa đường, đưa phà, chèo đò cho bộ đội qua sông dưới làn bom đạn của địch. Trong hai lần chống chiến tranh phá hoại, quân và dân Quảng Bình đã bắn rơi 704 máy bay kể cả máy bay B52, F111, nhiều tên giặc lái bị bắt sống, 86 tàu chiến bị bắn chìm và bắn cháy.

Mặc cho chiến tranh tàn khốc nhưng người dân Quảng Bình vẫn kiên gan bám ruộng đồng, bám hố bom để sản xuất thâm canh. Nhiều “cánh đồng 5 tấn” xuất hiện. Hợp tác xã Đại Phong trở thành lá cờ đầu miền Bắc, vinh dự được Bác Hồ viết bài khen ngợi và phát động để hơn 1.000 hợp tác xã miền Bắc thi đua học tập và vượt Đại Phong. Hợp tác xã nông nghiệp Đại Phong, hợp tác xã nghề cá Quang Phú trở thành lá cờ đầu trong phong trào “3 nhất” toàn miền Bắc. Gương các anh hùng, như: Nguyễn Thị Kim Huê, Nguyễn Thị Suốt, Nguyễn Thị Khίου, Đinh Thị Thu Hiệp, Nguyễn Văn Số... mãi mãi là niềm tự hào về lòng quả cảm, tinh thần bất khuất của người dân Quảng Bình. Vườn hoa “Hai giỏi” đã nở rộ khắp muôn nơi; từ nông thôn đến thành thị, đủ các tầng lớp, lứa tuổi, ngành nghề trong xã hội. Đâu đâu cũng xuất hiện tấm gương Chiến sĩ thi đua “Hai giỏi”.

Trong khi phải đương đầu với cuộc chiến tranh phá hoại vô cùng ác liệt của đế quốc Mỹ, vừa sản xuất vừa chiến đấu, Nhân dân Quảng Bình vẫn làm tròn nghĩa vụ đối với cách mạng miền Nam. Với tinh thần “thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người” toàn tỉnh đã huy động đến mức tối đa mọi sức người sức của cho tiền tuyến. Ngoài ra, Quảng Bình còn gửi hàng vạn người con ưu tú của quê hương tới khắp các mặt trận tham gia chiến đấu cùng với hơn 3.000 thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến làm nhiệm vụ tiếp

vận tải thương. Suốt trong thời kỳ chống chiến tranh phá hoại, Quảng Bình đã bảo đảm thông suốt con đường từ Bắc vào Nam để vận chuyển một khối lượng to lớn sức người sức của cho chiến trường. Bên cạnh đó, mảnh đất Quảng Bình đã vinh dự được Quân ủy Trung ương chọn nơi để mở những con đường chiến lược quan trọng chi viện cho miền Nam. Thôn Phong Nha huyện Bố Trạch là điểm xuất phát của con đường mòn Hồ Chí Minh “huyền thoại” trên bộ, cùng với các chi nhánh quan trọng, như tuyến đường 15 chạy dọc Trường Sơn, đường 12B từ miền Tây Tuyên Hóa qua Sê Pôn, đường 16 từ làng Ho huyện Lệ Thủy, đường 20 từ Phong Nha qua tỉnh Khăm Muôn... tạo thành một hệ thống đường chiến lược vĩ đại. Đây là tuyến vận tải quân sự chiến lược, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chi viện sức người, sức của cho các chiến trường. Đường Trường Sơn - Hồ Chí Minh và bộ đội Trường Sơn đã phát huy vai trò to lớn chi viện từ hậu phương lớn miền Bắc xã hội chủ nghĩa cho các chiến trường miền Nam Việt Nam, Lào và Căm-pu-chia, góp phần to lớn vào thắng lợi ở các chiến trường.

Tháng 7/1959, Tiểu đoàn vận tải biển 603 được thành lập, đóng tại cửa biển sông Gianh với tên gọi là “Tập đoàn đánh cá Sông Gianh”. Thuyền được nguy trang giống thuyền đánh cá của ngư dân miền Nam. Thời kỳ ban đầu, đoàn tàu gồm các tàu vận tải cỡ nhỏ để thâm nhập vào miền Nam, mặc dù có số hiệu đầy đủ, song để giữ bí mật, các tàu này không sơn số hiệu lên thân tàu. Vì thế, những con tàu này được biết đến với tên gọi chung là “Đoàn tàu không số”. Bằng đường Hồ Chí Minh trên biển, “Đoàn tàu không số” đã kịp thời vận chuyển vũ khí, trang bị đến những địa bàn xa hậu phương, sâu trong vùng địch tạm chiếm, góp phần cho quân và dân miền Nam “đánh mạnh, thắng to”, lần lượt làm thất bại các kế hoạch chiến tranh của địch.

Trong những năm 1973 - 1974, Nhân dân Quảng Bình đã nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế. Đặc biệt về giao thông vận tải, nhiều bến cảng, tuyến đường, cầu cống được phục hồi và xây dựng lại, bảo đảm tăng nhanh tổng khối lượng hàng vận chuyển phục vụ chiến trường. Sự chi viện về vật chất, cán bộ của Quảng Bình dồn dập trong hai năm đó đã góp phần tạo thêm sức mạnh cho Trị Thiên - Huế và miền Nam giành toàn thắng trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975.

Trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước, Quảng Bình thực sự là vùng tuyến lửa của miền Bắc. Trong hai lần thực hiện chiến tranh phá hoại, đế quốc Mỹ đã sử dụng đầy đủ các loại máy bay, đánh vào Quảng Bình hơn 8 vạn lần (trong đó có 2.172 lần bằng máy bay chiến lược B.52), thả hơn 1,5 triệu tấn bom cùng hàng

chục vạn quả rốc - kết, tên lửa và tàu chiến đã bắn hơn 14 vạn quả pháo. Bom đạn Mỹ đã giết hại 12.330 người, làm bị thương 18.434 người. Đốt cháy và đánh sập hàng vạn nóc nhà. Trong khói lửa chiến tranh hủy diệt của kẻ thù, Quảng Bình đã rất xứng đáng với sứ mệnh mà cả nước giao phó. Vừa là tiền tuyến của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, vừa là hậu phương trực tiếp của tiền tuyến lớn miền Nam anh hùng.

Những chiến công xuất sắc của quân và dân Quảng Bình trên mặt trận sản xuất và chiến đấu đã được Đảng và Chính phủ tặng thưởng nhiều Huân chương và nhiều danh hiệu cao quý. Có thể nói mảnh đất, con người Quảng Bình trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước đã thu hút sự chú ý, lòng kính phục của Nhân dân cả nước và bè bạn khắp năm châu, xứng đáng với tên gọi Quảng Bình “Hai giới”.

2.4. Quảng Bình thời kỳ Bình Trị Thiên (1975 - 1989)

Với đại thắng mùa Xuân năm 1975, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vĩ đại của dân tộc ta đã kết thúc thắng lợi hoàn toàn. Cùng với cả nước, Đảng bộ, quân và dân Quảng Bình bắt tay khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, cùng cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Tháng 3 năm 1976, thực hiện chủ trương của Đảng, Chính phủ, ba tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế và khu vực Vĩnh Linh hợp nhất thành tỉnh Bình Trị Thiên. 13 năm nhập tỉnh, Đảng bộ và Nhân dân Quảng Bình đã nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi các nghị quyết Đại hội IV, V, VI của Đảng và các nghị quyết của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Trị Thiên lần thứ I, II, III, IV, từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng tỉnh Bình Trị Thiên giàu mạnh. Đây là thời kỳ Đảng bộ và Nhân dân tỉnh ta đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách. Cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội của đất nước và lệnh cấm vận của Mỹ trong những năm 80 làm cho đời sống của Nhân dân hết sức khó khăn. Trong lúc đó, sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu đã tác động tiêu cực đến tình hình kinh tế - xã hội ở nước ta, ảnh hưởng đến tư tưởng, tình cảm của cán bộ, đảng viên và quần chúng Nhân dân. Nhưng với bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu xã hội chủ nghĩa, Đảng bộ và Nhân dân tỉnh ta luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, tiếp tục nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước.

Để phù hợp với thực tiễn xây dựng xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ, phù hợp với yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, đổi

mới chính sách kinh tế - xã hội, phát huy thế mạnh từng địa phương, thực hiện Nghị quyết của Kỳ họp lần thứ 5 Quốc hội khoá VIII, tỉnh Bình Trị Thiên được chia thành ba tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên - Huế. Ngày 01 tháng 7 năm 1989, tỉnh Quảng Bình tái thành lập, trở về với địa giới hành chính và tên gọi vốn có trong lịch sử. Dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, cán bộ, đảng viên và quần chúng Nhân dân đã phát huy truyền thống quê hương “Hai giới”, tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới và đã thu được những kết quả rất đáng tự hào.

2.5. Quảng Bình sau ngày tái lập

Phát huy truyền thống “*Quảng Bình quật khởi*” trong chống Pháp và “*Quảng Bình Hai giới*” trong kháng chiến chống Mỹ, từ ngày tái lập tỉnh đến nay, được sự quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương, Đảng bộ, chính quyền, quân và dân trong tỉnh đã đoàn kết, nỗ lực phấn đấu khắc phục khó khăn, phát huy nội lực, khai thác có hiệu quả các tiềm năng, lợi thế, đưa tỉnh nhà phát triển toàn diện trên tất cả các lĩnh vực.

2.5.1. Về kinh tế

Thành tựu nổi bật sau 35 năm tái lập tỉnh, Quảng Bình đã khắc phục được tình trạng trì trệ, đưa nền kinh tế từng bước thoát khỏi khủng hoảng, phát triển và đi vào thế ổn định, tốc độ tăng trưởng GRDP khá, quy mô nền kinh tế không ngừng được nâng lên, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực. Tốc độ tăng trưởng bình quân GDP giai đoạn từ 1991 - 1995 là 8,49%, từ 2005 - 2010 là 11%. Trong giai đoạn 2010 - 2020, do ảnh hưởng của thiên tai và suy thoái kinh tế toàn cầu, sự cố môi trường biển, dịch bệnh Covid-19 nhưng tốc độ tăng trưởng vẫn đạt trên 6,0%; năm 2023 đạt 7,21%, đây là sự nỗ lực lớn của Đảng bộ và Nhân dân trong tỉnh. GRDP bình quân đầu người được cải thiện đáng kể, năm 1990 là 0,46 triệu đồng, đến năm 2021 lên 49,3 triệu đồng, năm 2023 lên 60 triệu đồng; tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ tăng; nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm nhờ tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp, dịch vụ luôn duy trì ở mức cao.

Sản lượng lương thực không ngừng tăng, góp phần quan trọng trong đảm bảo an ninh lương thực và ổn định đời sống Nhân dân. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục tăng trưởng, giá trị sản xuất tăng bình quân

3,07%/năm. Tỷ trọng ngành chăn nuôi không ngừng tăng. Lâm nghiệp chuyên đổi theo hướng lâm nghiệp xã hội; công tác quản lý và bảo vệ rừng được tăng cường. Thủy sản được xác định là ngành kinh tế quan trọng. Tỉnh đã chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật cho nuôi trồng, khai thác và dịch vụ nên sản xuất thủy sản phát triển nhanh, sản lượng tăng cao, với đội tàu đánh bắt vùng biển xa đứng thứ ba toàn quốc. Sản xuất lâm nghiệp từng bước được xã hội hóa và chuyển đổi theo hướng nâng cao giá trị. Công tác quản lý và bảo vệ rừng được tăng cường, tỷ lệ che phủ rừng đứng thứ 2 toàn quốc, đạt 68,69% (năm 2023).

Công nghiệp, từ xuất phát điểm gần như trắng nhưng đến nay, từng bước khẳng định vai trò là ngành kinh tế trọng điểm của tỉnh. Sản xuất công nghiệp từng bước tăng trưởng, quy mô giá trị sản xuất công nghiệp tăng gần 46 lần (Năm 1990 là 271,7 tỷ đồng, đến năm 2021 đạt 13.865 tỷ đồng; giai đoạn 2021 - 2023 chỉ số sản xuất công nghiệp tăng bình quân 10,3%/năm). Tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn có bước phát triển khá, đóng góp đáng kể cho ngân sách địa phương. Hiện nay, nhiều sản phẩm có giá trị cao và có sức cạnh tranh trên thị trường, nhiều sản phẩm đã xây dựng được thương hiệu. Hoạt động thương mại, dịch vụ chuyển biến tiến bộ. Quy mô thị trường tăng nhanh; mạng lưới kinh doanh thương mại mở rộng xuống tận địa bàn khu dân cư. Hàng hoá trên thị trường phong phú, đa dạng, đáp ứng khá tốt nhu cầu các tầng lớp dân cư. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tăng liên tục qua các năm. Thị trường dịch vụ của tỉnh đã có sự phát triển mạnh mẽ, góp phần tích cực cho tăng trưởng kinh tế và phục vụ đời sống Nhân dân. Đến nay, đóng góp của dịch vụ trong cơ cấu GRDP chiếm tỷ trọng trên 49,54%. Cơ sở vật chất ngành Vận tải đã tăng lên đáng kể. Dịch vụ bưu chính - viễn thông phát triển nhanh, mạng lưới viễn thông đã được hiện đại hoá về cơ bản.

Du lịch có nhiều khởi sắc và dần khẳng định là ngành kinh tế mũi nhọn. Trong 35 năm qua, tỉnh đã hình thành thêm nhiều điểm tham quan, du lịch, nghỉ dưỡng. Tổng số khách du lịch đến tỉnh Quảng Bình ngày một tăng cao. Giai đoạn 1990 - 1999 đạt gần 0,6 triệu lượt khách, giai đoạn 2016 - 2020 đạt 19,7 triệu lượt khách; năm 2022 đạt hơn 2,1 triệu lượt, gấp 3,7 lần so với năm 2021; năm 2023 đạt hơn 4,5 triệu lượt khách, gấp 2,1 lần so với cùng kỳ và vượt gần 29% so với kế hoạch đề ra. Thương hiệu du lịch Quảng Bình được khẳng định ở tầm quốc gia, khu vực và thế giới, là điểm sáng trên bản đồ du lịch Việt Nam. Một số điểm du lịch có tiềm năng lớn trở thành điểm đến tầm cỡ thế giới. Làng du lịch Tân Hóa, huyện Minh Hóa được Tổ chức Du lịch thế giới (UNWTO)

vinh danh là Làng du lịch tốt nhất thế giới năm 2023. Du lịch Quảng Bình đã và đang từng bước khẳng định vị thế của mình trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, giải quyết việc làm cho hàng nghìn lao động, góp phần quảng bá hình ảnh văn hoá và con người Quảng Bình tới bạn bè trong nước và quốc tế.

Hoạt động tài chính, tín dụng có nhiều tiến bộ. Thu ngân sách nhà nước tăng bình quân khoảng 15 - 20%/năm. Hệ thống ngân hàng, tổ chức tín dụng đã bám sát các chính sách tiền tệ, tín dụng của Chính phủ và mục tiêu phát triển của tỉnh để huy động và cho vay vốn, tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Năm 2023, tổng nguồn vốn huy động đạt gần 58.700 tỷ đồng, tăng 6,5%.

Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới được triển khai sâu rộng và đạt được kết quả tích cực. Kết cấu hạ tầng nông thôn tiếp tục được đầu tư, đời sống Nhân dân được cải thiện, bộ mặt nông thôn đổi mới toàn diện; số xã đạt tiêu chí nông thôn mới ngày một tăng cao. Đến năm 2023, có 93/128 xã đạt nông thôn mới, đạt 73%; trong đó, 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; có 36 khu dân cư kiểu mẫu và 44 vườn mẫu. Toàn tỉnh hiện có 145 sản phẩm OCOP được công nhận (tăng 81 sản phẩm so với năm 2020); đến hết năm 2023, có 34 sản phẩm OCOP 4 sao, đạt và vượt kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025.

Hoạt động xúc tiến đầu tư được đẩy mạnh. Công tác xúc tiến, thu hút đầu tư ngày càng có nhiều đổi mới và quyết liệt hơn; môi trường đầu tư, kinh doanh tiếp tục được cải thiện mạnh mẽ với các cơ chế, chính sách rộng mở, thông thoáng; tỉnh đã tích cực tham gia các hoạt động xúc tiến đầu tư trong nước và nước ngoài, nhờ đó, ngày càng thu hút được nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước đến nghiên cứu, khảo sát, triển khai thực hiện nhiều công trình, dự án có quy mô lớn, có thương hiệu quốc tế.

Từ năm 2021 đến nay, đã phê duyệt và chấp thuận chủ trương đầu tư 147 dự án trong nước, với tổng vốn đăng ký hơn 28.000 tỷ đồng; thu hút 01 dự án có vốn đầu tư nước ngoài (FDI), với số vốn đăng ký 54,6 triệu USD; 47 dự án phi chính phủ nước ngoài (NGO), giá trị cam kết viện trợ 9,5 triệu USD. Nhiều dự án đã triển khai thực hiện bảo đảm tiến độ, một số dự án đã tiến hành xây dựng và đi vào hoạt động hiệu quả, góp phần giải quyết việc làm và thu ngân sách, tạo động lực phát triển của tỉnh như: Dự án may xuất khẩu của Công ty S&D; Dự án đầu tư xây dựng trung tâm thương mại, khách sạn và Shophouse của

VinGroup; Sân golf Bảo Ninh - Hải Ninh; Cụm trang trại điện gió B&T... Tỉnh đã tạo điều kiện, môi trường cạnh tranh bình đẳng để các thành phần kinh tế phát triển nhanh, trở thành động lực phát triển của nền kinh tế. Từ đầu năm 2021 đến nay, có thêm 1.627 doanh nghiệp được thành lập, nâng tổng số doanh nghiệp lên hơn 8.800 doanh nghiệp, với số vốn đăng ký gần 20.180 tỷ đồng.

Công tác quy hoạch, quản lý đô thị được chú trọng. Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật của tỉnh được đầu tư ngày càng đồng bộ, hiện đại, góp phần làm thay đổi bộ mặt từ thành thị đến nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Một số công trình hạ tầng giao thông quan trọng được đầu tư xây dựng và phát huy hiệu quả như: Quốc lộ 1A, đường Hồ Chí Minh, sân bay Đồng Hới, cầu Gianh, cầu Quán Hàu, cầu Nhật Lệ 1 và 2, cầu Trung Quán, đường nối Khu kinh tế Hòn La với Khu công nghiệp xi măng tập trung Tiến - Châu - Văn Hóa, đường Võ Nguyên Giáp, Hệ thống đường từ cầu Nhật Lệ 2 đến đường Hồ Chí Minh nhánh Đông, các tuyến đường nối trục Đông - Tây, các tuyến đường nội thành thành phố Đồng Hới,... Dự án đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông đoạn qua tỉnh đang được triển khai quyết liệt; Cảng hàng không Đồng Hới chuẩn bị nâng cấp... sẽ là những tín hiệu mới, tạo động lực cho sự phát triển của tỉnh.

Giao thông nông thôn tiếp tục được quan tâm đầu tư phát triển. Hệ thống đê điều, thủy lợi, hồ chứa được nâng cấp, bảo đảm an toàn. Đến nay, 100% số xã có đường ô tô, điện lưới quốc gia đến trung tâm xã; mạng lưới bưu chính - viễn thông, phát thanh truyền hình phủ kín; chủ động nước tưới cho trên 100% diện tích lúa đông xuân; 97% số dân ở nông thôn được cung cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh... Hạ tầng đô thị được quan tâm đầu tư. Nổi bật là thành phố Đồng Hới kết cấu hạ tầng phát triển nhanh, được công nhận là đô thị loại II năm 2014; thị xã Ba Đồn được thành lập năm 2013; khu vực thị trấn Hoàn Lão và khu vực thị trấn Kiến Giang mở rộng được công nhận đạt tiêu chí loại IV. Các khu công nghiệp: Cảng biển Hòn La, Bắc Đồng Hới, Tây Bắc Đồng Hới, Tây Bắc Quán Hàu, Khu Kinh tế cửa khẩu Cha Lo... được đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đảm bảo. Công tác quản lý tài nguyên, môi trường được tăng cường. Triển khai thực hiện có hiệu quả Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011 - 2020, 2021 - 2023. Việc kiểm soát ô nhiễm, xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường được tiến hành thường xuyên. Quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước từng bước đi vào nền nếp.

2.5.2. Về văn hóa - xã hội

Sau 35 năm tái lập tỉnh, từ điều kiện của một tỉnh còn nhiều khó khăn nhưng Đảng bộ Quảng Bình đã tập trung lãnh đạo Nhân dân không ngừng nỗ lực, phấn đấu vươn lên, phát huy thế mạnh của địa phương nên đã đạt được nhiều kết quả nổi bật trên lĩnh vực văn hóa - xã hội.

Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ tiếp tục đạt nhiều thành tựu quan trọng. Quy mô giáo dục và đào tạo được mở rộng, chất lượng giáo dục toàn diện ở các bậc học tiếp tục được nâng lên; tỷ lệ học sinh trúng tuyển vào các trường đại học, cao đẳng khá cao. Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý được củng cố, kiện toàn, đạt chuẩn. Cơ sở vật chất trường, lớp được tăng cường đầu tư xây dựng, nâng cấp theo chuẩn quốc gia. Đã tích cực sắp xếp lại các trường trung học cơ sở, tiểu học, mầm non, bảo đảm ổn định. Đến nay, toàn tỉnh có 235/563 trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt tỷ lệ 41,7%; 263/563 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 47,2%. Hệ thống giáo dục chuyên nghiệp, dạy nghề được tổ chức lại, chất lượng đào tạo được nâng lên. Số lượng học sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia ngày càng tăng ở các cấp học, đã có học sinh đạt giải khu vực và vươn tầm quốc tế. Tiêu biểu như các em: Nguyễn Thế Quỳnh (Trường THPT chuyên Võ Nguyên Giáp) đạt 2 Huy chương Bạc Olympic Vật lý châu Á và 02 huy chương Vàng Olympic Vật lý quốc tế; Trần Đức Long (Trường THPT Đào Duy Từ) đạt giải Ba quốc tế môn Sinh học; Đặng Ngọc Thanh (Trường THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp) đạt huy chương Bạc Olympic Toán quốc tế; Lê Vũ Hoàng (Trường THPT số 1 Bồ Trạch - nay là Trường THPT Lê Quý Đôn) vô địch chung kết Đường lên đỉnh Olympia lần thứ 6.

Hoạt động khoa học - công nghệ có những chuyển biến tích cực, đạt được nhiều kết quả, đóng góp quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Công tác chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ hạt nhân được triển khai toàn diện. Công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ được tăng cường; nhiều đề tài, dự án tập trung vào các lĩnh vực trọng điểm của tỉnh được triển khai áp dụng hiệu quả. Trong 35 năm qua, đã triển khai 637 đề tài, dự án, mô hình, trong đó giai đoạn 2021 - 2023, đã thực hiện 02 đề tài cấp Nhà nước và 07 dự án thuộc Chương trình nông thôn và miền núi; 82 đề tài, dự án cấp tỉnh; triển khai thực hiện 59 mô hình ứng dụng khoa học, công nghệ.

Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe Nhân dân ngày càng nâng cao. Hệ thống y tế được sắp xếp, kiện toàn, năng lực chuyên môn ngày càng được nâng cao. Cơ sở vật chất và trang thiết bị ngành y tế được đầu tư nâng cấp, đầu tư mới đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh cho Nhân dân. Đã hoàn thành, đưa vào sử dụng tòa nhà kỹ thuật nghiệp vụ cao Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới. Quảng Bình là địa phương đầu tiên trong cả nước đạt tiêu chí loại trừ bệnh phong quy mô cấp huyện vào năm 2015. Đến nay, mạng lưới y tế phủ kín 100% địa bàn, bao gồm 4 tuyến: Trung ương, tỉnh, huyện, xã, với số giường bệnh gấp 2,5 lần so với năm 1990. Nhân lực ngành y tế tăng gấp 2,7 lần, riêng bác sĩ tăng gấp 3,7 lần. 100% trạm y tế có bác sĩ làm việc; 100% thôn, bản có nhân viên y tế hoạt động; 149/151 trạm y tế xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 (98,7%). Khu vực y tế ngoài nhà nước phát triển mạnh mẽ. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 92,5% (năm 2023).

Sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa có những chuyển biến mới cả về quy mô lẫn chiều sâu; thiết chế văn hóa được quan tâm đầu tư; nhận thức về vai trò của văn hoá và đời sống văn hóa của Nhân dân được nâng cao. Truyền thống văn hoá, văn hiến, yêu nước, cách mạng của quê hương Quảng Bình “Hai giỏi” được chú trọng phát huy. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” ngày càng phát triển sâu rộng, góp phần xây dựng môi trường văn hoá, nếp sống văn hoá ở các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và khu dân cư, phát huy được nhiều giá trị nhân văn trong cộng đồng. Công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa tiếp tục đạt nhiều kết quả quan trọng. Toàn tỉnh có 02 di sản văn hóa phi vật thể nhân loại, 10 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; 141 di tích, trong đó có 56 di tích cấp quốc gia và quốc gia đặc biệt, 85 di tích cấp tỉnh. Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng và 18 điểm thuộc hệ thống di tích đường Hồ Chí Minh trên đất Quảng Bình được Thủ tướng Chính phủ công nhận là Di tích quốc gia đặc biệt. Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng 2 lần được UNESCO công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới (năm 2003 và năm 2015).

Hoạt động văn hóa, nghệ thuật có nhiều tiến bộ; nhiều nghệ sĩ, nghệ nhân đạt nhiều giải thưởng của các bộ, ngành Trung ương. Phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” không ngừng phát triển. Thể thao thành tích cao tiếp tục đưa Quảng Bình vươn tầm khu vực và thế giới. Các vận động viên của tỉnh đã đạt 9 huy chương tại SEA Games 31, 8 huy chương tại SEA Games 32.

Các hoạt động thông tin tuyên truyền được đẩy mạnh, góp phần tích cực trong việc nâng cao dân trí, thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương. Hệ thống phát thanh, truyền hình không ngừng đổi mới về nội dung và nâng cao chất lượng. Đài Phát thanh và Truyền hình Quảng Bình đã phát sóng kênh QBTV trên vệ tinh Vinasat 1, phủ sóng 100% địa bàn dân cư, góp phần tăng cường quảng bá, giới thiệu về quê hương, con người Quảng Bình đến với người dân trong nước và thế giới. Các loại hình dịch vụ phát thanh, truyền hình công nghệ hiện đại ngày càng phong phú, đa dạng. Diện phủ sóng phát thanh, truyền hình được mở rộng đến tận miền núi, vùng sâu, vùng xa, góp phần rút ngắn khoảng cách thụ hưởng thông tin giữa đồng bằng và miền núi, đáp ứng nhu cầu thông tin ngày càng cao của người dân. Hệ thống Đài Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện, Đài Truyền thanh cấp xã ngày càng phát huy hiệu quả, là kênh thông tin quan trọng, phục vụ đắc lực nhiệm vụ chính trị của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, cơ sở.

Công tác chuyển đổi số và phát triển đô thị thông minh được triển khai tích cực. Nghị quyết của Tỉnh ủy về “Chuyển đổi số tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” đã góp phần làm chuyển biến nhận thức và hành động về xây dựng chính quyền điện tử, đô thị thông minh... Dịch vụ viễn thông và bưu chính ngày càng hiện đại, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính, xã hội hoá các dịch vụ hành chính công, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn.

Công tác bảo đảm an sinh xã hội được chú trọng. Các chính sách xã hội, chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sỹ và người có công được thực hiện đầy đủ, kịp thời, chu đáo. Chương trình hỗ trợ người có công, hộ nghèo cải thiện nhà ở; giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững được triển khai thực hiện có hiệu quả; tỷ lệ hộ nghèo giảm đáng kể. Từ 44,4% năm 1993 giảm xuống còn 3,3% năm 2021, giai đoạn 2021 - 2023 bình quân giảm 2.924 hộ/năm. Phong trào “Đền ơn, đáp nghĩa”, các hoạt động nhân đạo, từ thiện đã mang đến hiệu quả lớn cho xã hội.

2.5.3. Quốc phòng, an ninh và đối ngoại

Thực hiện ngày càng tốt hơn chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân ngày càng được củng cố vững chắc; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Công tác bảo đảm trật tự an toàn xã hội, trật tự an toàn giao thông có nhiều tiến bộ. Công tác bảo vệ an ninh quốc gia, đấu tranh,

phòng chống các loại tội phạm và tệ nạn xã hội có chuyển biến tích cực. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được quan tâm. Công tác quốc phòng, quân sự địa phương được tăng cường; an ninh chính trị được giữ vững; trật tự an toàn xã hội được bảo đảm.

Hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng; tăng cường ngoại giao kinh tế với một số địa phương, tổ chức của các nước: Cu-ba, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Ô-xtrây-li-a, ASEAN, châu Âu... Xúc tiến quan hệ với tỉnh Nakhon Phanom và các tỉnh khác vùng Đông - Bắc Thái Lan... Đẩy mạnh quan hệ hữu nghị vĩ đại, đoàn kết truyền thống đặc biệt và hợp tác toàn diện với các tỉnh của nước bạn Lào; kịp thời hỗ trợ nước bạn, nhất là thời điểm thiên tai, dịch bệnh. Hằng năm, trích ngân sách để hỗ trợ các tỉnh Khăm Muôn, Sạ-vẳn-na-khệt xây trường học, trạm y tế, nhà truyền thống. Xây dựng Trường Hữu nghị Quảng Bình - Khăm Muôn với tổng kinh phí trên 20 tỷ đồng, xây tặng Trạm Y tế với trị giá trên 3 tỷ đồng; tặng tỉnh Sạ-vẳn-na-khệt xây dựng Nhà Trưng bày truyền thống đường 9, Trường Mẫu giáo trên 10 tỷ đồng, Trường bồi dưỡng chính trị...

Quan tâm đẩy mạnh công tác tuyên truyền cho cán bộ, Nhân dân về quan hệ truyền thống hữu nghị đặc biệt Việt Nam - Lào nói chung và của tỉnh Quảng Bình với các tỉnh của nước bạn Lào nói riêng. Tích cực kêu gọi, vận động nguồn viện trợ và triển khai hiệu quả các chương trình, dự án của các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài. Công tác quản lý đoàn ra, đoàn vào, giải quyết lãnh sự thực hiện nghiêm túc, đúng quy định...

2.5.4. Công tác xây dựng chính quyền, cải cách hành chính, cải cách tư pháp

Công tác xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả được coi trọng. Hội đồng nhân dân các cấp đã có nhiều đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động; chất lượng các kỳ họp, hoạt động giám sát, tiếp xúc cử tri, hoạt động của đại biểu hội đồng nhân dân các cấp được nâng lên. Ủy ban nhân dân các cấp đã có nhiều giải pháp nâng cao hiệu lực quản lý, điều hành trên các lĩnh vực; chỉ đạo cụ thể hoá các chủ trương, nghị quyết của cấp ủy, nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành các chương trình, đề án cụ thể để tổ chức thực hiện.

Quảng Bình tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế, kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền các cấp tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả theo lộ trình. Công tác cải cách hành chính được quan tâm; thực hiện tốt cơ chế một cửa, một

cửa liên thông, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, phục vụ tốt hơn cho người dân, doanh nghiệp. Các chỉ số về cải cách hành chính, năng lực cạnh tranh, hiệu quả quản trị và hành chính công của tỉnh được cải thiện. Chỉ số SIPAS năm 2022 xếp hạng 28/63 tỉnh, thành phố, tăng 32 bậc so với năm 2021; chỉ số PCI tăng 9 bậc so với năm 2021, xếp hạng 48/63; lĩnh vực Cải cách thủ tục hành chính của PAR Index xếp hạng 14/63, tăng 20 bậc.

Công tác tư pháp được triển khai đồng bộ, toàn diện. Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật ngày càng đi vào chiều sâu, hướng về cơ sở, lựa chọn nội dung gắn với từng nhóm đối tượng, từng lĩnh vực, địa bàn. Đến nay, có 143/151 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Bộ máy tổ chức các cơ quan tư pháp ngày càng được hoàn thiện. Chất lượng điều tra, truy tố, xét xử, thi hành giải quyết các loại án ngày càng nâng cao. Công tác thanh tra không ngừng cải tiến, đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động, phục vụ tốt cho công tác quản lý nhà nước, quản lý xã hội trên địa bàn tỉnh. Công tác phòng, chống tham nhũng ngày càng được chú trọng, đi vào kỷ cương, nền nếp, tạo được lòng tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và quản lý, điều hành của chính quyền các cấp.

2.5.5. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các chính sách, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; phát huy tốt vai trò tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân; chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân. Các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước được triển khai có trọng tâm, trọng điểm ngày càng đi vào thực chất và đạt hiệu quả cao. Công tác tổ chức “Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc” ở khu dân cư được chú trọng, góp phần tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân. Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đạt kết quả tốt; việc tập hợp, phản ánh ý kiến, nguyện vọng của Nhân dân; tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và giám sát, phản biện xã hội từng bước đi vào nền nếp, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của Nhân dân, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân, góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh ở địa phương.

2.5.6. Công tác xây dựng Đảng

Đảng bộ luôn chú trọng và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, trở thành bài học hàng đầu, xuyên suốt trong mọi giai đoạn của cách mạng. Từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI năm 1986, nhất là sau khi tái lập tỉnh đến nay, Đảng bộ đã đề ra những chủ trương đúng đắn, có những bước đi và biện pháp thích hợp trong việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng trên các mặt chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ nhằm từng bước nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chính trị trong tình hình mới.

- Về công tác chính trị, tư tưởng, đạo đức

Trong suốt 35 năm qua, Đảng bộ đã tập trung chú trọng việc tổ chức học tập, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng; trang bị cho cán bộ, đảng viên về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nắm vững những quan điểm chiến lược của đường lối đổi mới. Việc học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng đã có nhiều đổi mới; việc xây dựng chương trình hành động phù hợp điều kiện địa phương và có lộ trình thực hiện cụ thể, bình quân mỗi đợt có 100% tổ chức đảng, trên 97% đảng viên, trên 84% đoàn viên, hội viên tham gia.

Chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng có chuyển biến tích cực, từng bước đổi mới về nội dung, hình thức, phương pháp. Công tác tuyên truyền được chú trọng thực hiện toàn diện, có trọng tâm, phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của tỉnh. Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch được tăng cường. Đã chủ động nắm chắc tình hình tư tưởng, định hướng dư luận xã hội. Tình hình tư tưởng trong Đảng bộ và Nhân dân ổn định, đoàn kết, thống nhất; Nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, sự nghiệp đổi mới của quê hương, đất nước.

Công tác giáo dục lý luận chính trị được các cấp uỷ đảng chú trọng; chất lượng ngày càng nâng cao, cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương. Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận được quan tâm; tổ chức tốt việc sơ kết, tổng kết thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và của tỉnh.

Công tác tuyên truyền ngày càng được đổi mới cả về hình thức, biện pháp, phương thức tiến hành. Đã thông tin kịp thời tình hình chính trị, thời sự quốc tế, trong nước và trong tỉnh, góp phần làm rõ thời cơ và thách thức, thuận lợi và khó khăn để định hướng tư tưởng và dư luận xã hội; đồng thời, khơi dậy truyền

thống yêu quê hương, đất nước; phát hiện và nhân rộng các mô hình, điển hình, nhân tố mới trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội nhằm động viên toàn Đảng, toàn dân nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn, thách thức, hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ nghị quyết đại hội đảng các cấp đề ra.

Công tác bồi dưỡng, nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên được chú trọng. Thực hiện thường xuyên, có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, đặc biệt là Chỉ thị số 06-CT/TW, số 03-CT/TW, số 05-CT/TW và Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII và Kết luận số 21-KL/TW) về xây dựng Đảng. Công tác đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, phòng chống tham nhũng, tiêu cực được tiến hành nghiêm túc và đạt được nhiều kết quả quan trọng, tạo sự chuyển biến tích cực trong việc tu dưỡng, rèn luyện và hành động của toàn Đảng bộ. Đã có nhiều tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến trong việc học và làm theo Bác được Thủ tướng Chính phủ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cấp tôn vinh, khen thưởng, tạo được sự lan tỏa sâu rộng trong Đảng bộ và các tầng lớp Nhân dân.

- Về công tác tổ chức xây dựng Đảng

Công tác tổ chức xây dựng Đảng, củng cố nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng (TCCSĐ) và phát triển đảng viên ngày càng được chú trọng, đạt được nhiều kết quả quan trọng. Tổ chức đảng các cấp thường xuyên được kiện toàn đồng bộ và phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương; đội ngũ đảng viên phát triển khá nhanh: Năm 1992, toàn tỉnh có 522 TCCSĐ/26.473 đảng viên, đến năm 2023 có 566 TCCSĐ/76.842 đảng viên. Đã xóa 23 thôn, bản “trắng” chi bộ và đảng viên. Việc kiểm điểm, đánh giá chất lượng đảng viên được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, ngày càng thực chất.

Công tác cán bộ được tiếp tục đổi mới, bảo đảm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo, quản lý đội ngũ cán bộ. Việc đánh giá, nhận xét, phân loại cán bộ luôn gắn với kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII) và Kết luận số 21-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Triển khai thực hiện Quy định số 01-QĐ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “về trách nhiệm và xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong thực hiện chức trách,

nhiệm vụ được giao” đã từng bước khắc phục được những khuyết điểm, hạn chế, nâng cao vai trò, trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành, giải quyết công việc của đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu, được Nhân dân đồng tình, đánh giá cao. Thực hiện có hiệu quả Đề án “Phát triển nguồn nhân lực và nâng cao chất lượng công tác cán bộ”.

Công tác quy hoạch cán bộ được thực hiện dân chủ, công khai, đúng quy trình. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đã gắn với quy hoạch, bố trí và sử dụng cán bộ. Công tác luân chuyển cán bộ được quan tâm thực hiện. Công tác bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, bố trí, sử dụng cán bộ có nhiều đổi mới, đúng nguyên tắc. Công tác chính sách cán bộ được thực hiện kịp thời, đúng đối tượng và phù hợp với tình hình địa phương.

- Về công tác kiểm tra, giám sát

Công tác kiểm tra, giám sát tiếp tục được chú trọng, góp phần giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật của Đảng, ngăn ngừa vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên. Đặc biệt, sau khi thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 14/02/1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về “Tăng cường công tác kiểm tra của Đảng” và Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về “Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng”, các cấp uỷ, tổ chức đảng đã xây dựng và triển khai thực hiện nghiêm túc chương trình kiểm tra, giám sát toàn khoá, hằng năm; chú trọng vào các nhiệm vụ chính trị trọng tâm, các lĩnh vực trọng yếu, nhạy cảm, được dư luận quan tâm. Công tác giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên, thi hành kỷ luật trong Đảng được thực hiện nghiêm túc, đúng nguyên tắc và quy định của Đảng.

- Về công tác nội chính

Qua các thời kỳ, mặc dù có sự thay đổi về tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ nhưng công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, đạt kết quả tích cực, góp phần giữ vững ổn định chính trị, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Đã ban hành và thực hiện tốt Quy chế tiếp xúc, đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp uỷ đảng, chính quyền các cấp với Nhân dân. Các biện pháp phòng ngừa tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của các tổ chức, cơ quan, đơn vị được mở rộng và phát huy hiệu quả; việc ban hành, thực hiện các quy định về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ, quản lý kinh tế - xã hội đạt kết quả tích cực.

- Về công tác dân vận

Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thường xuyên tăng cường lãnh đạo công tác dân vận. Công tác dân vận có nhiều đổi mới theo hướng bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của cấp ủy đảng, đồng thời, phát huy vai trò của chính quyền, Mặt trận, đoàn thể và quyền làm chủ của Nhân dân. Đã tập trung triển khai các nội dung trọng tâm như: Công tác dân tộc, tôn giáo; giải quyết các vấn đề liên quan đất đai; quy chế dân chủ ở cơ sở... Tích cực chỉ đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả các mô hình “Dân vận khéo” trong xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh; tập trung đẩy mạnh công tác dân vận trong thực hiện các chương trình, dự án trọng điểm về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tạo sự đồng thuận cao trong Nhân dân.

- Về đổi mới phương thức lãnh đạo, lề lối làm việc của cấp ủy các cấp

Qua 35 năm tái lập tỉnh, trải qua từng giai đoạn khác nhau, phương thức lãnh đạo, lề lối làm việc của cấp ủy các cấp ngày càng được đổi mới, khoa học, bám sát cơ sở, bảo đảm vai trò lãnh đạo của cấp ủy; đồng thời, phát huy vai trò, trách nhiệm và tính chủ động, sáng tạo của các tổ chức trong hệ thống chính trị.

Các cấp ủy đảng đã thực hiện tốt quy chế làm việc, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu. Sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và cấp ủy các cấp bảo đảm tính toàn diện, đồng bộ trên các lĩnh vực; xác định đúng những vấn đề trọng tâm, trọng điểm, xây dựng các giải pháp đột phá với quyết tâm cao và tinh thần đoàn kết, năng động, sáng tạo để lãnh đạo thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra trong từng năm, từng giai đoạn và cho cả nhiệm kỳ. Đây là yếu tố hết sức quan trọng đảm bảo sự thành công trong công tác lãnh đạo thực hiện toàn bộ nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ tỉnh trong suốt 35 năm xây dựng và phát triển.

Phần thứ hai:

MỤC TIÊU PHÍA TRƯỚC VÀ KHÁT VỌNG VƯƠN LÊN

1. Mục tiêu phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 12/4/2023 đã xác định rõ về 4 trụ cột phát triển kinh tế, 2 trung tâm động lực tăng trưởng, 3 trung tâm đô thị và 3 hành lang kinh tế. Đó chính là công thức, là cơ sở quan trọng tạo bước đột phá cho kinh tế Quảng Bình.

Cụ thể, 4 trụ cột trong phát triển kinh tế là: Du lịch, công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao và kinh tế biển. 2 trung tâm động lực tăng trưởng cho Quảng Bình là Khu du lịch Phong Nha - Kẻ Bàng, với mục tiêu trở thành trung tâm du lịch đẳng cấp khu vực Đông Nam Á và Khu kinh tế Hòn La, với mục tiêu trở thành khu kinh tế động lực góp phần cho tăng trưởng kinh tế. 3 trung tâm đô thị là Trung tâm đô thị thành phố Đồng Hới và vùng phụ cận, lấy Đồng Hới làm hạt nhân và các đô thị vệ tinh, đô thị cửa ngõ kết nối, gồm Quán Hàu, Hoàn Lão, Việt Trung, Dinh Mười; Trung tâm đô thị phía Bắc với hạt nhân là thị xã Ba Đồn gắn với trung tâm huyện lỵ Quảng Trạch, các khu kinh tế Hòn La, Tiến Hóa; Trung tâm đô thị phía Nam với hạt nhân là đô thị Kiến Giang, đô thị vệ tinh gồm Lệ Ninh và Áng Sơn. 3 hành lang kinh tế bao gồm: Hành lang kinh tế đồng bằng ven biển cùng với Quốc lộ 1A, đường ven biển; Hành lang kinh tế Đông - Tây dọc Quốc lộ 12 nối Cửa khẩu quốc tế Cha Lo - thị xã Ba Đồn - cảng biển Hòn La; Hành lang kinh tế trung du và miền núi, gắn với đường Hồ Chí Minh và cao tốc Bắc - Nam phía Đông.

1.1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

Bảo đảm tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững trên cơ sở phát huy hiệu quả các tiềm năng, lợi thế, tận dụng các thành tựu khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; xây dựng Quảng Bình trở thành nền kinh tế năng động ở khu vực miền Trung, với trọng tâm là ngành dịch vụ và du lịch nổi bật; công nghiệp sạch, năng lượng tái tạo, chế biến, chế tạo; nông nghiệp công nghệ cao, sinh thái, trách nhiệm, bền vững. Tập trung đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại. Đổi mới phương thức lãnh đạo, quản lý; đẩy mạnh cải cách hành chính; tăng cường kỷ luật, siết chặt kỷ cương; nâng cao hiệu lực, hiệu quả; tập trung phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Cải thiện rõ rệt đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần Nhân dân. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Nâng cao năng lực phòng chống thiên tai, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường sinh thái. Đến năm 2030 phấn đấu đưa Quảng Bình trở thành tỉnh phát triển khá của khu vực miền Trung. Để đạt được mục tiêu trên, tỉnh đã đề ra các đột phá phát triển như sau:

Thứ nhất, tập trung huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Trong đó ưu tiên những lĩnh vực, dự án quan trọng tạo sự đột phá và có sức lan tỏa lớn: Hệ thống giao thông bảo đảm kết nối thông suốt (tập trung hoàn thành đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông trước năm 2025); hạ tầng du lịch; hạ tầng thiết yếu, quan trọng trong KCN, KKT; hạ tầng công nghệ thông tin để hướng tới mục tiêu xây dựng nền kinh tế số, xã hội số, chính quyền số; các cơ sở giáo dục, đào tạo nghề trọng điểm đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao trong một số lĩnh vực then chốt như du lịch, công nghiệp.

Thứ hai, đổi mới hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách đảm bảo cho huy động, phát huy hiệu quả các nguồn lực, tháo bỏ các rào cản, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường vai trò kiến tạo của các cơ quan quản lý nhà nước; lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm trong thực hiện cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và năng lực chuyển đổi số nhằm thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước, thu hút nhân tài.

Thứ ba, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao, đáp ứng nhu cầu các ngành công nghiệp mới, du lịch giá trị

cao. Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, phát huy nhân tài; đổi mới chế độ tuyển dụng, sử dụng, trọng dụng nhân tài trong quản lý, quản trị nhà nước, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Liên kết giữa các cơ sở đào tạo và các doanh nghiệp trong dạy nghề, giải quyết việc làm để phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động; từng bước hoàn thiện và nâng cao trình độ mọi mặt cho đội ngũ cán bộ quản lý và người lao động nhằm đáp ứng nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

1.2. Tầm nhìn đến năm 2050

Quảng Bình sẽ là một nền kinh tế phát triển năng động của miền Trung và cả nước, là điểm kết nối quan trọng trong ngã tư kinh tế Bắc - Nam, Đông - Tây (hướng ra biển). Phát huy hiệu quả tiềm năng, thế mạnh, nhất là các giá trị độc đáo nổi bật toàn cầu của Di sản thiên nhiên thế giới Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, định vị Quảng Bình là điểm đến du lịch hàng đầu tại khu vực Đông Nam Á với hệ thống hang động hùng vĩ, hệ sinh thái đa dạng, các giá trị văn hóa phong phú; nơi nghỉ dưỡng và giải trí thể thao cao cấp gắn với lợi ích cộng đồng và phát triển du lịch bền vững.

2. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng của tỉnh

2.1. Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Xây dựng nền nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa tập trung, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh trên cơ sở phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp sạch thích ứng với biến đổi khí hậu. Đến năm 2030, giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân 3,5 - 4%/năm (trong đó, nông nghiệp tăng 3,6%, thủy sản 4,8%, lâm nghiệp 3,7%/năm). Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông - lâm - thủy sản được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết 12%; tỷ lệ giá trị sản phẩm nông - lâm - thủy sản được sản xuất theo các quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) hoặc tương đương đạt khoảng 10%. Tỷ trọng chăn nuôi chiếm 55 - 60% giá trị sản xuất nông nghiệp. Tổng sản lượng thủy sản đạt 122.000 tấn. Tỷ lệ diện tích rừng sản xuất được quản lý bền vững có xác nhận 25%.

2.2. Công nghiệp

Phát triển công nghiệp trở thành ngành trọng điểm mang tính động lực để thực hiện mục tiêu tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chú trọng các ngành công nghiệp chủ lực, có lợi thế cạnh tranh như: công nghiệp điện và năng lượng tái tạo; chế biến nông, lâm, thủy sản (tập trung các phân ngành: chế biến gỗ và sản phẩm từ gỗ, chế biến thực phẩm và nông sản xuất khẩu); sản xuất vật liệu xây dựng (xi măng, xi măng chất lượng cao, vôi chất lượng cao, gạch không nung); công nghiệp dệt may và các ngành công nghiệp hỗ trợ... gắn với nâng cao trình độ công nghệ, đổi mới sáng tạo, khai thác tốt cách mạng công nghệ lần thứ tư. Đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn; khôi phục, củng cố, mở rộng các làng nghề, làng nghề truyền thống; tập trung phát triển một số các sản phẩm phục vụ du lịch, xuất khẩu có giá trị gia tăng cao. Đến năm 2030, giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá so sánh 2010) đạt 48.300 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân 14 - 14,5%/năm; chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt 13%/năm.

2.3. Du lịch

Phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn và là một trong những khâu đột phá để thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế, xã hội và chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với lợi ích cộng đồng và phát triển bền vững. Định vị Quảng Bình là một trong các điểm đến du lịch hấp dẫn nhất Việt Nam, trung tâm du lịch mạo hiểm của khu vực Châu Á gắn với những hình ảnh chủ đạo, độc đáo, mang đậm bản sắc như: du lịch khám phá thiên nhiên, du lịch hang động, du lịch văn hóa lịch sử, du lịch thể thao, du lịch biển, nghỉ dưỡng cao cấp... Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng được công nhận là Khu du lịch quốc gia, giữ vững các tiêu chí được UNESCO hai lần công nhận di sản thiên nhiên thế giới. Đến năm 2030, tỷ lệ đóng góp của ngành Du lịch đạt 10 - 12% GRDP của tỉnh.

2.4. Kinh tế biển

Phấn đấu đưa kinh tế biển của tỉnh cơ bản đạt các tiêu chí về phát triển bền vững; hình thành văn hóa sinh thái biển; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Đến năm 2030, các ngành kinh tế thuần biển đóng góp khoảng 15 - 20% GRDP của tỉnh; kinh tế của các huyện, thị xã, thành phố ven

biển ước đạt 85 - 90% GRDP của tỉnh. Có trên 50% diện tích vùng biển được điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường. 100% khu kinh tế, khu công nghiệp và khu đô thị ven biển được quy hoạch, xây dựng theo hướng bền vững, sinh thái, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

2.5. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

2.5.1. Thương mại - dịch vụ

Phát triển thương mại theo hướng hiện đại, nâng cao khả năng tham gia điều tiết, cân đối cung cầu, đảm bảo lưu thông hàng hóa thông suốt, cung cấp đầy đủ các loại vật tư, mặt hàng thiết yếu cho sản xuất và đời sống, bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng, người sản xuất. Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021 - 2030 của tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ là 13,5 - 14% (trong đó, tổng mức bán lẻ hàng hóa tăng 13,4%/ năm); của kim ngạch xuất khẩu là 9,6%; của kim ngạch nhập khẩu là 6,6 - 7,1%/năm.

2.5.2. Khoa học và công nghệ

Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng thành tựu mới của khoa học - công nghệ để nâng cao năng suất lao động, chất lượng, giá trị sản phẩm, nhất là các sản phẩm có thế mạnh chủ lực của tỉnh. Đổi mới mạnh mẽ cơ chế hoạt động nghiên cứu, quản lý khoa học, công nghệ. Nâng cao tiềm lực và trình độ khoa học, công nghệ trong toàn tỉnh; phát triển mạnh thị trường khoa học, công nghệ gắn với xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học, công nghệ. Tăng cường công tác bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Đẩy mạnh hội nhập và hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ. Phấn đấu đến năm 2030, năng suất lao động, năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đóng góp từ 35% vào tăng trưởng kinh tế.

2.5.3. Thông tin và truyền thông

Đẩy mạnh phát triển hạ tầng số, công nghệ thông tin, tăng tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực. Các công nghệ hiện đại như điện toán đám mây Cloud Computing, kết nối vạn vật IoT, trí tuệ nhân tạo AI, dữ liệu lớn BigData, chuỗi khối Blockchain... được ứng dụng sâu rộng. Các dịch vụ đô thị thông minh được xây dựng, cung cấp đầy đủ trên địa bàn tỉnh. Xây dựng ngành báo chí, truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn và hiện đại. Đến năm 2030, duy trì và từng bước nâng thứ hạng của Quảng Bình trên Bảng xếp hạng chỉ số Chính quyền số của tỉnh, thành phố trên toàn quốc; tỷ lệ người dân trưởng thành có tài

khoản thanh toán điện tử trên 80%; xây dựng, phát triển mạng di động 5G, 6G đến 100% khu vực đô thị, khu vực trung tâm các xã, phường, thị trấn. Thực hiện ngầm hóa 30 - 35% hạ tầng mạng cấp ngoại vi trên địa bàn tỉnh; ngầm hóa mạng cấp ngoại vi khu vực đô thị đạt 45 - 55%. Tỷ lệ sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đạt trên 70%.

2.5.4. Y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Tạo bước chuyển biến rõ rệt trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân. Nâng cao sức khỏe cả về thể chất và tinh thần, tâm vóc, tuổi thọ, chất lượng cuộc sống; giảm tỷ lệ mắc bệnh và tử vong do bệnh, dịch bệnh, đảm bảo an toàn thực phẩm, góp phần tăng tuổi thọ, nâng cao các chỉ số sức khỏe cơ bản của người dân. Củng cố và nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của mạng lưới hệ thống chăm sóc sức khỏe đồng bộ từ tuyến tỉnh đến tuyến cơ sở. Đến năm 2030, giải quyết cơ bản tình trạng quá tải ở các cơ sở khám chữa bệnh; số giường bệnh/10.000 dân đạt 50 giường trở lên, số bác sĩ/10.000 dân đạt trên 14 bác sĩ, số lượng dược sĩ/10.000 dân đạt trên 3 dược sĩ, tỷ suất trẻ em tử vong dưới 5 tuổi dưới 12‰, dưới 1 tuổi dưới 10‰, tỷ lệ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế trên 90%.

2.5.5. Giáo dục và đào tạo

Phát triển hợp lý và vững chắc quy mô giáo dục - đào tạo đi đôi với việc đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, củng cố chất lượng đội ngũ giáo viên. Thực hiện đa dạng hóa các loại hình giáo dục và đào tạo nhằm tăng nguồn lực, mở rộng quy mô và tăng cơ hội giáo dục cho mọi người; quan tâm giáo dục khuyết tật; chú trọng giáo dục khu vực đồng bào dân tộc thiểu số. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục - đào tạo, coi trọng 3 mục tiêu: nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Đến năm 2030, 100% trường tiểu học, trên 85% trường mầm non, 95% trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia; 100% huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục mẫu giáo; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng trong các cơ sở giáo dục mầm non giảm xuống dưới 2,5%; tỷ lệ trẻ em đi học đúng độ tuổi đạt 100%.

2.5.6. Giáo dục nghề nghiệp (GDNN) và lao động, việc làm

Tiếp tục đổi mới, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng đào tạo và hiệu quả của GDNN; phát triển hệ thống các cơ sở GDNN với nhiều phương

thức và trình độ đào tạo nghề nghiệp, nhất là đào tạo chất lượng cao theo hướng ứng dụng, thực hành, bảo đảm đáp ứng nhu cầu nhân lực qua đào tạo cho thị trường lao động cả về số lượng, chất lượng, cơ cấu nghề và trình độ đào tạo. Mỗi năm cần cung cấp cho thị trường lao động 20.000 lao động có tay nghề. Các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh đảm bảo quy mô đào tạo 25.000 người/năm, mỗi năm tuyển sinh mới 17.000 người.

Thúc đẩy mở rộng, nâng cao năng lực đối với doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, phát triển doanh nghiệp đáp ứng nhu cầu về giải quyết việc làm ngoài nước trên địa bàn. Tỷ lệ thất nghiệp chung giảm còn 2,3% trong giai đoạn 2021 - 2025, duy trì dưới mức 2,1% trong giai đoạn 2025 - 2030.

2.5.7. An sinh xã hội

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, ưu tiên hỗ trợ sinh kế cho người dân để tạo thu nhập ổn định nhằm giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo. Đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người dân, nhất là ở các xã đặc biệt khó khăn, xã có đông đồng bào dân tộc thiểu số; tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận thuận lợi các dịch vụ xã hội cơ bản. Đến năm 2030, 100% đối tượng gặp khó khăn đột xuất được trợ giúp kịp thời; 90% người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội phù hợp với nhu cầu, trong đó tối thiểu 50% đối tượng được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội toàn diện.

2.5.8. Văn hóa và thể thao

Tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Phát triển văn hóa, thể thao, đồng thời, đảm bảo phục vụ chất lượng, hiệu quả và đáp ứng ngày càng cao nhu cầu hưởng thụ văn hóa và rèn luyện sức khỏe của Nhân dân; bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, gắn với phát triển du lịch bền vững. Phân đầu đến năm 2030 toàn tỉnh có 90% gia đình; 95% thôn, bản, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa; 90% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa; số người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên đạt trên 42%; số gia đình thể thao đạt trên 33%.

3. Giải pháp và nguồn lực thực hiện

3.1. Về huy động vốn đầu tư

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh để huy động vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế. Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực then chốt, dự án tạo động lực lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Mở rộng các hình thức đầu tư, khuyến khích hình thức đầu tư đối tác công tư (PPP) và hình thức đầu tư khác, đồng thời tăng cường xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước để huy động nguồn vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và các dự án sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

3.2. Về phát triển nguồn nhân lực

Các giải pháp cần ưu tiên thực thi để phát triển nguồn nhân lực bao gồm: Nâng cao nhận thức về vai trò của phát triển nhân lực đối với sự phát triển bền vững. Tăng cường quản lý Nhà nước về phát triển nhân lực. Thực hiện tốt công tác quy hoạch và phát triển nguồn nhân lực theo nhu cầu của xã hội. Tăng cường và nâng cao thế lực cho nguồn nhân lực. Đào tạo và bồi dưỡng nhân lực. Hoàn thiện công tác tuyển dụng, nâng cao công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Phát huy nguồn lực, đảm bảo vốn cho phát triển nhân lực.

3.3. Về bảo vệ môi trường

Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, quan tâm đầu tư các công trình bảo vệ môi trường. Khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, bền vững tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường biển và ven biển, chống thoái hóa đất, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên đất, bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên nước, bảo vệ diện tích rừng; có cơ chế quản lý hiệu quả các loại chất thải, đặc biệt là chất thải rắn và nước thải. Nâng cao nhận thức và huy động sự tham gia của các bên liên quan vào bảo vệ môi trường và thực hiện tăng trưởng xanh.

3.4. Về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Tăng cường chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, thông tin liên lạc và chuyển đổi số, du lịch, y tế, môi trường; đẩy mạnh chuyển đổi nền kinh tế dựa trên công nghệ số và nền tảng số, về kinh tế số ICT, kinh tế số Internet và kinh tế số ngành; tăng cường mở rộng hợp tác khoa học với các tổ

chức khoa học công nghệ ở Trung ương và tổ chức quốc tế để tranh thủ chuyển giao, ứng dụng những tiến bộ khoa học mới.

3.5. Về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

Đối với hợp tác trong nước, cần chú trọng xây dựng quan hệ với các đối tác trong nước nhằm đạt được các mục tiêu quan trọng. Liên kết các lĩnh vực kinh tế của tỉnh với các lĩnh vực bổ sung hoặc bổ trợ ở các tỉnh thành khác nhằm tạo mối hiệp lực và đem lại lợi ích kinh tế - xã hội lớn hơn cho tỉnh. Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho các lĩnh vực xã hội - văn hóa trong tỉnh.

Đối với hợp tác quốc tế, cần chú trọng các giải pháp: Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, lấy hội nhập kinh tế là trọng tâm. Thúc đẩy quan hệ hợp tác với các địa phương và các đối tác nước ngoài đi vào chiều sâu, thực chất và hiệu quả, đặc biệt với các địa phương, đối tác đã xác lập quan hệ. Phối hợp chặt chẽ đối ngoại với quốc phòng, an ninh, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển.

3.6. Về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

Xác định phát triển đô thị và nông thôn là công tác trọng tâm để phát triển Quảng Bình lâu dài và bền vững. Tỉnh sẽ đưa ra các giải pháp cụ thể để quản lý phát triển đô thị và nông thôn nhằm hỗ trợ và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đồng thời giảm thiểu các tác động tiêu cực đến xã hội và môi trường.

3.7. Về nâng cao hiệu quả của bộ máy quản lý hành chính nhà nước

Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp.

Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước theo hướng tinh gọn, khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ; cải cách chế độ công vụ, thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao hiệu quả sử dụng thời gian làm việc của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.